



BỘ TƯ PHÁP
CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁP
LÝ LIÊN NGÀNH CHO DNNVV
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025



HIỆP HỘI DNNVV VIỆT NAM
TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁP LUẬT
VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

BẢN TIN ĐIỆN TỬ

**NÂNG CAO NHẬN THỨC PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG
TRONG CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRƯỚC BỐI CẢNH HỘI NHẬP
VÀ THỰC HIỆN CAM KẾT QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM
VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI HỘI NGHỊ COP 26**



Hà Nội, tháng 9 năm 2022



MỤC LỤC

- 1** Thực trạng thực thi các quy định pháp luật về môi trường trong doanh nghiệp nhỏ và vừa
TS. Luật sư - Nhà báo Nguyễn Hồng Thái
- 4** Một số vi phạm phổ biến trong lĩnh vực môi trường của doanh nghiệp nhỏ và vừa
Luật sư - Nhà báo Trần Văn Chương
- 8** Thực thi pháp luật về môi trường trong khu vực làng nghề cần những giải pháp mang tính bền vững
ThS. Vũ Thị Như Quỳnh
- 14** Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường theo luật hình sự Việt Nam
Th.S Trần Thị Phương Thảo
- 19** Xử phạt hành chính trong lĩnh vực môi trường những vấn đề doanh nghiệp nhỏ và vừa cần quan tâm
Luật sư - Nhà báo Trần Văn Chương
- 26** Tác động của cam kết về môi trường trong các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) thế hệ mới đến doanh nghiệp Việt Nam
Đỗ Hà Anh
- 33** Điều kiện nào cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt chứng nhận tiêu chuẩn môi trường?
ThS. Vũ Hải Việt
- 38** Cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng vai trò quan trọng trong thực thi Luật Bảo vệ môi trường năm 2022
TS.NCVC. Trần Văn Duy - ThS. Giảng viên Nguyễn Thị Thuý Hằng
- 43** Cam kết về môi trường bắt buộc thực hiện trong Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và tác động đến doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam
Bùi Huyền
- 48** Cam kết mạnh mẽ tại COP26 và kế hoạch hành động của chính phủ Việt Nam - Những vấn đề pháp lý doanh nghiệp vừa và nhỏ quan tâm
Luật sư Mai Bích Ngân
- 53** Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về cải thiện môi trường, điều kiện làm việc
Thạc sỹ - Luật sư Phạm Thị Bích Hảo
- 59** Thực thi các cam kết về môi trường - Cơ hội mới cho kết nối chuỗi giá trị hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam
TS. Luật sư - Nhà báo Nguyễn Hồng Thái

"Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung, quyền tác giả theo quy định của pháp luật. Quan điểm trong nghiên cứu này là của tác giả và Trung tâm Hỗ trợ pháp luật và Phát triển nguồn nhân lực; không đại diện cho quan điểm của Ban Quản lý Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 và Bộ Tư pháp"

THỰC TRẠNG THỰC THI CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

TS. Luật sư - Nhà báo Nguyễn Hồng Thái

Giám đốc công ty Luật TNHH Quốc tế Hồng Thái và Đồng Nghiệp

Phó Tổng biên tập Tạp chí điện tử Đồng Hành Việt.

1. Dẫn nhập

Thời gian qua, ở Việt Nam, tình trạng ô nhiễm môi trường tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay đang là một thực trạng đáng báo động. Theo báo cáo hiện trạng môi trường doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, lượng chất thải phát sinh từ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang có chiều hướng gia tăng theo tốc độ phát triển của các doanh nghiệp. Việc nghiên cứu đánh giá một cách toàn diện hệ thống các thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường trong doanh nghiệp nhỏ và vừa là yêu cầu cấp thiết đối với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2. Khái quát các quy định pháp luật về môi trường trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã quy định tại Mục 1 Chương V về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại các Điều 50 về bảo vệ môi trường đối với khu kinh tế; Điều 51 về bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; Điều 52 về bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp; Điều 53 về bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Điều 54 về trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu; Điều 55 về trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu; Điều 56 về bảo vệ môi trường làng nghề.

Khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ có hành vi vi phạm các quy định trên sẽ bị xử lý theo Điều 161 và các quy định khác của pháp luật có liên quan:

“Điều 161. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức và cá nhân phải có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2...”.

Như vậy, đối với các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ môi trường sẽ bị xử phạt nghiêm khắc theo đúng quy định của Pháp luật.

3. Thực trạng thực thi các quy định pháp luật về môi trường trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trước các vấn đề môi trường ngày càng gia tăng, việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường (BVMT) được các doanh nghiệp vừa và nhỏ chú trọng hơn, các yêu cầu ngày càng chặt chẽ về các tiêu chuẩn môi trường trong xuất, nhập khẩu hàng hóa và nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm xanh, sản phẩm thân thiện môi trường ngày càng cao đã làm cho nhận thức của doanh nghiệp đối với hoạt động BVMT không ngừng được nâng cao. Việc tuân thủ các quy định pháp luật về BVMT không chỉ còn là nghĩa vụ “phải làm” đối với các doanh nghiệp mà từng bước đã trở thành “động lực tìm kiếm lợi nhuận bền vững” cho doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp đã đầu tư hệ thống thu gom và xử lý chất thải, tham gia vào hỗ trợ các Chương trình có mục đích BVMT. Đặc biệt, kinh doanh trong lĩnh vực cung ứng và dịch vụ môi trường đã bắt đầu trở thành một lĩnh vực có tính hấp dẫn cao, nhiều doanh nghiệp đã có nhiều loại hình được các tổ

chức và cá nhân tham gia đầu tư phát triển; lĩnh vực môi trường từ nhiều nguồn vốn, bước đầu hình thành hệ thống dịch vụ môi trường ngoài công ích. Một số lĩnh vực phát triển mạnh như: Thu gom, vận chuyển chất thải rắn, cơ sở xử lý chất thải rắn; thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế); xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán,... Chính vì vậy, việc thực hiện BVMT đã trở thành một ngành có tiềm năng và một yếu tố cấu thành nên thương hiệu của các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh những doanh nghiệp có ý thức BVMT trong quá trình sản xuất – kinh doanh thì vẫn còn tồn tại những doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa nhận thức hoặc biến nhận thức thành hành động. Nhiều doanh nghiệp vẫn chưa chú trọng đầu tư cho BVMT, hoạt động BVMT chưa được tiến hành thường xuyên, chưa trở thành nhận thức hành động của các doanh nghiệp, còn mang nặng tính đối phó, thời vụ. Nghiên cứu các trường hợp vi phạm pháp luật môi trường ở Việt Nam thời gian qua cho thấy, việc đầu tư cho công tác BVMT ở một số doanh nghiệp không được quan tâm đúng mức, thậm chí có doanh nghiệp đầu tư hệ thống nước thải hiện đại nhưng hầu như không hoạt động mà tất cả rác, nước thải được xả thẳng ra môi trường.¹



Nước thải gây ô nhiễm tràn vào khu dân cư ở phường Phong Khê (Bắc Ninh)

Các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nước ta có diễn biến phức tạp, nhất là trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác tài nguyên, khu công nghiệp, khu đô thị. Tình trạng các nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp

vi phạm quy định pháp luật về môi trường ngày càng tăng gây bức xúc trong nhân dân. Gần đây nhất là vụ việc của 10 công ty ở Bắc Ninh gây ô nhiễm môi trường bị xử phạt với tổng số tiền hơn bốn tỷ đồng. Các doanh nghiệp này chủ yếu bị bắt quả tang khi xả nước thải vượt chỉ số môi trường; hoạt động sản xuất mà không có giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; giám sát chất thải định kỳ không đúng, không đầy đủ.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do hệ thống văn bản pháp luật bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập. Mặc dù hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường nước ta tương đối lớn nhưng vẫn còn thiếu nhiều quy định quan trọng như: thuế bảo vệ môi trường; kiểm toán môi trường; quy định chi tiết chế độ bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường. Bên cạnh đó, hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa và xử lý những vi phạm pháp luật môi trường còn chưa cao. Nhìn chung, các lực lượng chức năng trong đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật về môi trường đã có rất nhiều cố gắng, tuy nhiên hoạt động này vẫn còn gặp nhiều khó khăn, năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cũng chưa đáp ứng được yêu cầu nên việc kiểm tra chưa được thường xuyên, sát sao nên chưa kịp thời phát hiện được nhiều vụ vi phạm pháp luật môi trường có tính nghiêm trọng. Ngoài ra, cần phải khẳng định rằng ý thức trách nhiệm của đa số các doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường chưa cao. Thực tế cho thấy, hầu hết các doanh nghiệp đều vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thậm chí phần lớn các doanh nghiệp bằng cách này hay cách khác để “lách” luật, hoặc cố tình vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh vì mục đích lợi nhuận.

4. Một số giải pháp nhằm hạn chế tình trạng vi phạm pháp luật môi trường

Thứ nhất, phía cơ quan nhà nước cần sửa luật, tăng mức phạt đền ngừa tội phạm. Trong thời gian tới các cơ quan chức năng cần sớm nghiên cứu, đề xuất sửa cho phù hợp với thực

¹ Tạp chí điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường



Nước thải vi phạm vượt quá chỉ số môi trường xả ra sông Ngũ Huyện Khê (Bắc Ninh)

tế để đủ sức răn đe, ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật môi trường của cá nhân, tổ chức. Xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm pháp luật môi trường và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật môi trường đối với doanh nghiệp. Ngoài ra, các cơ quan quản lý cần tăng cường công tác phổ biến pháp luật về môi trường tới mọi tầng lớp nhân dân, các tổ chức kinh doanh trên cả nước nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức về bảo vệ môi trường của mọi cá nhân và tổ chức.

Thứ hai, các doanh nghiệp nên lưu ý những vấn đề như:

Một là, nếu có kế hoạch triển khai đầu tư Dự án, việc đầu tiên phải đến cơ quan quản lý môi trường sở tại để được tư vấn, xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường, nếu chủ cơ sở đang hoạt động có nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết BVMT bổ sung.

Hai là: Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu được quy định tại bản Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bản cam kết BVMT của Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, vận hành liên tục các thiết bị khi đi vào sản xuất, tránh tình trạng vận hành đối phó khi có cơ quan quản lý đến kiểm tra.

Ba là: Nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật môi trường. Cần cập nhật kịp thời các quy định pháp luật về môi trường để nắm bắt được những quy định của nhà nước trong lĩnh vực môi trường để áp dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Kết luận

Như vậy, để phát triển lâu dài và bền vững các doanh nghiệp vừa và nhỏ cần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, thực thi đúng các quy định của Pháp luật về môi trường để đạt được những mục đích, lợi nhuận tốt nhất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

MỘT SỐ VI PHẠM PHỔ BIẾN TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Luật sư - Nhà báo Trần Văn Chương

Trung tâm HTPL và PTNNL

Hiệp hội doanh nghiệp NVV Việt Nam



Dòng sông Ngũ Huyện Khê, đoạn chảy qua địa bàn Phong Khê. Ảnh Đại Đoàn Kết.

Bảo vệ môi trường được hiểu là những hoạt động giữ cho môi trường trong lành sạch đẹp, cải thiện môi trường, bảo đảm cân bằng sinh thái, ngăn chặn và khắc phục hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường, khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên...

1. Vi phạm phổ biến trong lĩnh vực môi trường của doanh nghiệp

Vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường mang đặc thù riêng biệt, nó không chỉ gây tác hại trực tiếp mà nó còn tích tụ, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt, sức khỏe của cả cộng đồng lâu dài trong nhiều năm, nhiều thế hệ. Tình hình vi phạm pháp luật về môi trường ở Việt Nam

diễn ra trên nhiều lĩnh vực làm suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên, suy thoái môi trường sinh thái, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và sự phát triển bền vững của đất nước. Các vi phạm phổ biến về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp nhỏ và vừa (NVV) tập trung ở các lĩnh vực sau:

(i) Sản xuất tại các khu công nghiệp, làng nghề

Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, nhưng không chú trọng việc xây dựng các hệ thống xử lý chất thải, vì coi đây là giải pháp giảm chi phí, tăng lợi nhuận. Nhiều doanh nghiệp tuy có xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nhưng chỉ là hình thức đối phó, trên thực tế họ luôn cố tình

vi phạm với những thủ đoạn tinh vi, lén lút để xả thải ra môi trường khi có điều kiện.

Khu vực sản xuất làng nghề; ươm tơ, dệt vải, đồ da; thủ công mỹ nghệ, thêu ren; đồ tre, gỗ, sơn mài; sản xuất vật liệu xây dựng và các ngành nghề khác. Chất thải từ hoạt động sản xuất của các làng nghề không được xử lý mà xả trực tiếp ra ruộng, rãnh, ao, hồ, đồng ruộng... các chất thải độc hại khó phân hủy đều vượt quá tiêu chuẩn cho phép, ảnh hưởng nghiêm trọng trực tiếp đến môi trường, sức khỏe của con người và nguy hại sẽ còn kéo dài nhiều năm sau.

(ii) Trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chế biến

Các loại thuốc sâu, phân hóa học; thuốc kích thích sinh trưởng, kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật; thức ăn chăn nuôi; hóa chất bảo vệ thực phẩm, lương thực, rau củ quả, dược liệu, chế biến sản phẩm... không rõ nguồn gốc xuất xứ do nhập lậu không được kiểm soát, sử dụng bừa bãi đã gây ra nguy hại cho môi trường trên khắp các địa phương cả nước.

(iii) Nhập khẩu trái phép, khai thác nông lâm thủy sản, nước ngầm, bảo vệ đa dạng sinh học

Chất thải dưới hình thức phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, thiết bị công nghệ lạc hậu với thủ đoạn tinh vi; nhiều doanh nghiệp còn lợi dụng cơ chế kiểm hóa xác suất, thậm chí là tìm cách móc nối với những cá nhân có chức vụ, quyền hạn thoái hóa, biến chất của cơ quan chức năng để nhập hàng trái phép.

Nạn chặt phá rừng, kể cả rừng nguyên sinh, khu bảo tồn thiên nhiên, rừng phòng hộ, khai thác khoáng sản và sử dụng hóa chất làm nguy hại đến nguồn nước sinh hoạt, tưới tiêu; khai thác cát, sỏi làm cho nhiều dòng sông bị xói lở, biến đổi dòng chảy... ảnh hưởng hệ sinh thái, gây phong hóa, rửa trôi, biến rừng thành đất trống đồi núi trọc, nguồn nước ngầm bị khai thác bừa bãi, tràn lan. Hầu hết các doanh nghiệp, cơ sở

sản xuất, tự ý khoan giếng để khai thác và sử dụng nước mà không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

Tình trạng săn bắn, buôn bán, vận chuyển, nuôi nhốt động vật hoang dã, quý hiếm; các hoạt động khai thác hủy hoại nguồn lợi thủy hải sản, sử dụng kích điện, chất nổ... hủy diệt hàng loạt nhiều loài thủy sinh và gây ô nhiễm nguồn nước.

(iv) Lĩnh vực quản lý và xử lý chất thải

Rất nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm giảm chi phí, đã xử lý rác thải tại chỗ bằng phương pháp đốt hoặc chôn lấp thông thường, thậm chí thuê xe vận chuyển đổ trái phép, kể cả chất thải nguy hại chưa qua xử lý. Rác sinh hoạt, phế thải xây dựng không tập kết đúng chỗ, các bãi rác quá tải gây ô nhiễm nghiêm trọng, nước thải rò rỉ từ các khu tập kết ngấm vào nguồn nước ngầm.



Rác thải bị vứt bừa bãi

Nguồn Internet

(v) Trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm, dịch bệnh

Nhiều cơ sở sản xuất không chấp hành quy trình xử lý chế biến thực phẩm, nước uống, sử dụng hóa chất và phụ gia bảo quản, ngâm tẩm, tẩy rửa thực phẩm kém chất lượng, giết mổ gia súc, gia cầm tùy tiện, không rõ nguồn gốc, không được kiểm dịch thú y, các cơ sở giết mổ

không đảm bảo vệ sinh theo quy định; gia súc, gia cầm bị bệnh chết không được tiêu hủy hợp vệ sinh, thậm trí còn mang đi tiêu thụ đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe của người tiêu dùng.

(vi) Tình trạng trốn và gian lận trong việc nộp phí bảo vệ môi trường

Tình trạng trốn và gian lận nộp phí bảo vệ môi trường diễn ra khá phổ biến ở các doanh nghiệp, các tổ chức, các cơ sở sản xuất kinh doanh và các bệnh viện mà chưa có cơ chế thu, nộp phí bảo vệ môi trường rõ ràng và chế tài xử phạt đủ mạnh để răn đe.

2. Nguyên nhân dẫn đến các vi phạm về bảo vệ môi trường

Thứ nhất. Ý thức về chấp hành pháp luật của doanh nghiệp còn hạn chế, doanh nghiệp tập trung vào sản xuất, kinh doanh mà không chú trọng bảo vệ môi trường, coi thường quy định của pháp luật. Điều quan trọng nhất là doanh nghiệp chưa nhận thấy vai trò và tầm quan trọng của môi trường sống với chính mình và cộng đồng nên chưa có các hành động tự giác và ý thức về bảo vệ môi trường.

Mặt khác, hầu hết các doanh nghiệp NVV với tiềm lực về tài chính và công nghệ thấp, nếu thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường sẽ tạo nên gánh nặng về chi phí, cho nên họ luôn tìm cách trốn tránh các nghĩa vụ về bảo vệ môi trường để tiết kiệm tối đa chi phí.

Thứ hai. Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ quan trọng không thể thiếu đối với sự phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, do vậy cần phải sự nỗ lực, tích cực hơn nữa từ phía các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ môi trường. Nhà nước cần đầu tư, điều phối trong việc chi tiêu công để mua sắm và phổ biến công nghệ về bảo vệ môi trường, hạ tầng xử lý chất thải. Các vấn đề về quy hoạch thuộc trách nhiệm của Nhà nước chứ không thể đặt lên vai các doanh nghiệp.

Thứ ba. Khả năng thực thi pháp luật về môi trường còn tồn tại nhiều bất cập, hiện tại có

không ít hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường, dẫn tới xử lý không xuể, các chế tài xử lý bị coi thường. Trong đó có cả hành vi tiêu cực của những người được trao quyền bảo vệ pháp luật, nhiều trường hợp trong thực tế doanh nghiệp ngang nhiên vi phạm mà không bị xử lý, dẫn tới trật tự luật pháp trong lĩnh vực môi trường trở nên lỏng lẻo và thiếu hiệu quả.

Thứ tư. Hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường còn chồng chéo và bất cập, mô hình tổ chức cơ quan quản lý về môi trường từ trung ương đến địa phương còn yếu kém về năng lực, chưa đáp ứng kịp yêu cầu quản lý đối với một số lĩnh vực lớn, phức tạp, nhạy cảm đang gia tăng. Nguồn tài chính đầu tư cho bảo vệ môi trường từ ngân sách nhà nước và vốn của doanh nghiệp NVV chưa đáp ứng yêu cầu...

3. Lợi ích khi doanh nghiệp NVV tham gia bảo vệ môi trường

(i) Việc tham gia trực tiếp của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường là nhu cầu cấp thiết trong việc kinh doanh, mang lại hình ảnh, thương hiệu của doanh nghiệp, tạo sự tin tưởng của người tiêu dùng đối với những sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

(ii) Trong ngắn hạn, doanh nghiệp NVV đầu tư, chuyển đổi công nghệ, quy trình sản xuất theo hướng bảo vệ môi trường sẽ làm cho chi phí sản xuất tăng, nhưng các giai đoạn tiếp theo sẽ giảm chi phí thông qua việc sử dụng năng lượng, nguyên vật liệu, chi phí liên quan đến pháp lý, khắc phục sự cố môi trường, tạo ra không gian làm việc hiệu quả cho người lao động... vì vậy, trong dài hạn hiệu quả sản xuất - kinh doanh của đơn vị ổn định và phát triển.

(iii) Việc tuân thủ quy định pháp luật môi trường sẽ giúp doanh nghiệp không gặp rủi ro về pháp lý, thanh kiểm tra và chế tài xử phạt; sản phẩm của đơn vị không bị người tiêu dùng, xã hội tẩy chay, lên án trước những hành vi vi phạm môi trường. Các doanh nghiệp sẽ có nhiều cơ hội và ưu thế trong hoạt động đầu tư, hưởng

ưu đãi từ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Đồng thời, bảo vệ môi trường sẽ giúp cho doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội, lợi thế cạnh tranh và đây sẽ là nền tảng bền vững cho doanh nghiệp phát triển.

4. Một số kiến nghị, đề xuất

Một là, tập trung quản lý môi trường các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề; kiên quyết bắt buộc phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung; giám sát hoạt động xả thải, áp dụng chế tài đủ mạnh đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường và thực hiện lộ trình chuyển đổi công nghệ mới thân thiện với môi trường.

Hai là, quản lý có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường, khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ và là đối tượng trọng tâm của đời sống kinh tế - xã hội trong quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường. Nhà nước cần ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn và công nghệ tiên tiến có hiệu quả.

Ba là, cải cách thủ tục hành chính thông qua việc tích hợp toàn bộ các giấy phép, giấy xác nhận về môi trường vào “Giấy phép môi trường”, bãi bỏ các giấy phép có liên quan, giảm chi phí cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý theo định mới của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (LBVMT-2020).

Bốn là, tuyên truyền, phổ biến nội dung mới của LBVMT-2020, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn đến doanh nghiệp; cán bộ, công chức, viên chức, doanh nhân và người lao động để không ngừng nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Năm là, đối với doanh nghiệp cần chủ động nghiên cứu LBVMT-2020 và các văn bản hướng

dẫn để bảo đảm thực hiện đúng quy định và chính sách mới, đây là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Cải tiến nâng cao kỹ thuật trang thiết bị áp dụng công nghệ sạch phát triển kinh doanh bền vững; hoàn thiện bộ máy quản lý môi trường trong doanh nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu hiện nay.

5. Kết luận

Bảo vệ môi trường được hiểu là những hoạt động giữ cho môi trường trong lành sạch đẹp, cải thiện môi trường, bảo đảm cân bằng sinh thái, ngăn chặn và khắc phục hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường, khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên của đất nước.

Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường là một trong những yêu cầu cấp thiết ưu tiên hàng đầu đối với các quốc gia trên thế giới. Trong bối cảnh hiện nay, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đã trở thành đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Việt Nam.

Luật bảo vệ môi trường năm 2020 đã có sự thay đổi đặc biệt về kỹ thuật lập pháp và nguyên tắc về bảo vệ môi trường. Các yếu tố về phát triển bền vững và gắn môi trường với sự phát triển của kinh tế - xã hội đã được thể hiện rất rõ trong Luật môi trường, trong đó cộng đồng doanh nghiệp là nhân tố đóng vai trò quan trọng để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Các doanh nghiệp cần phải có sự chuẩn bị về mặt chi phí để đầu tư công nghệ mới, chuyển hướng theo thời đại phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế. Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp mà còn giúp cho doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh, thâm nhập thị trường quốc tế góp phần bảo vệ môi trường sống xanh, sạch, đẹp và phát triển bền vững.

THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG TRONG KHU VỰC LÀNG NGHỀ CẦN NHỮNG GIẢI PHÁP MANG TÍNH BỀN VỮNG

ThS. Vũ Thị Như Quỳnh

Bộ Tư pháp

1. Thực trạng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong khu vực làng nghề

Theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ quy định về phát triển ngành nghề nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 52/2018/NĐ-CP) thì “Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 4 Nghị định này”. Với sự tồn tại và phát triển của các làng nghề trong suốt bề dày lịch sử dân tộc với nhiều đặc trưng riêng, có thể thấy làng nghề đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương. Làng nghề không chỉ giúp giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động ở thôn, ấp, bản, làng... mà còn góp phần chuyển dịch cơ cấu và đa dạng hóa kinh tế nông thôn đồng thời góp phần vào công cuộc bảo tồn các giá trị truyền thống tốt đẹp. Tuy nhiên, song song với việc phát triển các làng nghề thì vấn đề bảo vệ môi trường khu vực làng nghề cũng rất được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Cụ thể trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2022 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) đều dành nhiều điều khoản quy định về vấn đề này. Cụ thể:

Theo Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: Làng nghề phải có phương án bảo vệ môi trường, có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường và hạ tầng bảo vệ môi trường. Hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề bao gồm: (i) Có hệ thống thu gom nước thải, nước mưa

bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của làng nghề; (ii) Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung (nếu có) bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; (iii) Có điểm tập kết chất thải rắn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường; khu xử lý chất thải rắn (nếu có) bảo đảm quy định về quản lý chất thải rắn hoặc có phương án vận chuyển chất thải rắn đến khu xử lý chất thải rắn nằm ngoài địa bàn.

Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định: “Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, kế hoạch di dời cơ sở, hộ gia đình ra khỏi làng nghề đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt”. Việc di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề và chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển cũng được quy định trong Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, theo đó, ngành, nghề sản xuất không khuyến khích phát triển tại làng nghề bao gồm: Ngành, nghề sản xuất không thuộc ngành nghề nông thôn theo quy định của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Ngành, nghề thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; Ngành, nghề sử dụng nhiên liệu, nguyên liệu hoặc hóa chất dễ cháy, dễ nổ, hóa chất nguy hiểm, hóa chất hạn chế kinh doanh theo quy định của pháp luật về hóa chất; Ngành, nghề sử dụng dây chuyền công nghệ, máy móc, thiết bị lạc hậu thuộc danh mục công nghệ hạn



Nguồn ảnh: <http://baobacgiang.com.vn/bg/hiiep-hoa/nhip-song/295670/khac-phuc-o-nhiem-moi-truong-lang-nghe.htm>

chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

Khoản 4 Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP cũng đã quy định trách nhiệm của Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, đó là: (i) Tham gia quản lý, vận hành, duy tu, cải tạo các công trình thuộc hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp xã; (ii) Phổ biến, theo dõi, đôn đốc các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề thực hiện các quy định bảo vệ môi trường quy định tại Điều 34 Nghị định này; (iii) Tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ môi trường làng nghề; nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước, quy ước của làng nghề; tuyên truyền, vận động nhân dân xóa bỏ các hủ tục, thói quen mất vệ sinh, có hại cho môi trường; (iv) Tham gia, phối hợp kiểm tra việc thực hiện quy định về bảo vệ môi trường của cơ sở trong làng nghề khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu; (v) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã về hiện trạng hoạt động, tình hình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải; khi phát hiện dấu hiệu về ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường hoặc các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo

vệ môi trường trong làng nghề; (vi) Thực hiện các nhiệm vụ khác về bảo vệ môi trường theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Ngoài ra Nghị định số 08/2022/NĐ-CP còn đưa ra yêu cầu bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề tại Điều 34. Cụ thể các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải thực hiện các quy định về đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải đáp ứng các yêu cầu sau: (i) Có hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải theo quy định của chính quyền địa phương, bảo đảm phù hợp với hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề; (ii) Có công trình xử lý nước thải hoặc công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong trường hợp hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung; (iii) Có công trình xử lý khí thải hoặc công trình, thiết bị xử lý khí thải tại chỗ đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong trường hợp có phát sinh khí thải phải xử lý theo quy định của pháp luật; (iv) Thực hiện các giải pháp kỹ thuật

để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bụi, bức xạ nhiệt bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường xung quanh; (v) Có biện pháp, công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn theo quy định của pháp luật.

2. Làng nghề và vấn đề ô nhiễm môi trường trong khu vực làng nghề hiện nay

Làng nghề là một trong những đặc thù của nhiều vùng nông thôn Việt Nam. Hoạt động trong các làng nghề là những hoạt động kinh tế phi nông nghiệp bao gồm các nghề thủ công, hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất vừa và nhỏ với các thành phần kinh tế như hộ gia đình, hộ sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân... Các hộ và các tổ chức kinh tế này gắn bó chặt chẽ, mật thiết với khu vực nông thôn thông qua việc sử dụng tư liệu sản xuất, vốn và nhân lực ở nông thôn, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực nông thôn¹. Theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, hiện nay, làng nghề nông thôn được chia ra 07 nhóm gồm: (i) Làng nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản (xay sát lúa gạo, sản xuất bột thô, làm bún, bánh, bảo quản rau quả; chế biến lâm sản, thủy sản, chủ yếu là các nghề làm thủy sản khô, mắm ruốc, nước mắm...); (ii) Làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ (trạm khắc...); (iii) Làng nghề xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; (iv) Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; (v) Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh; (vi) Sản xuất muối; (vii) Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn. Làng nghề được công nhận tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Bắc, trong đó TP. Hà Nội có số làng nghề, làng nghề truyền thống đang hoạt động được công nhận nhiều nhất tiếp đến là các tỉnh: Thái Nguyên, Thái Bình, Ninh Bình, Nam Định, Nghệ An... Đặc điểm của

làng nghề về quy mô, công nghệ, loại hình sản xuất, sản phẩm cũng không giống nhau theo các vùng miền.

Mặc dù đã có những quy định pháp luật đưa ra những yêu cầu bảo vệ môi trường tại càng làng nghề, tuy nhiên theo Hiệp hội làng nghề Việt Nam, hiện các làng nghề phát triển đang theo hình thức tự phát. Và đây được coi là nguyên nhân chính khiến tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề đang ở mức báo động (bao gồm cả ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm rác thải và khí thải), ảnh hưởng đến môi trường và đời sống người dân. Cụ thể, có tới 46% số làng nghề trong diện điều tra có môi trường bị ô nhiễm nặng, 27% làng nghề ô nhiễm vừa. Trong đó, hàm lượng các chất ô nhiễm theo các chỉ số COD, BOD5 hay tổng số vi khuẩn coliform trong nước thải làng nghề đều vượt tiêu chuẩn cho phép hàng chục lần, một số nơi lên đến hàng nghìn lần. Không những thế, hầu hết các làng nghề đều có hàm lượng bụi vượt tiêu chuẩn cho phép, nồng độ khí SO₂ tại các làng nghề cao hơn nhiều lần so với tiêu chuẩn. Tình trạng ô nhiễm môi trường tập trung vào các loại hình làng nghề đặc trưng như chế biến lương thực, thực phẩm, vật liệu xây dựng, dệt nhuộm, tái chế giấy, tái chế nhựa, tái chế kim loại, thủ công mỹ nghệ... Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí cũng cho thấy, các chỉ tiêu phân tích (tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂) đều vượt quy chuẩn cho phép từ 1,2 - 1,8 lần. Nguồn nước thải từ sản xuất, sinh hoạt, chăn nuôi chưa được thu gom, xử lý, xả trực tiếp ra các ao, hồ, gây ô nhiễm nghiêm trọng. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt cho thấy, các chỉ tiêu phân tích (pH, BOD₅, COD, SS, Fe, Cu, Ni, Pb, dầu mỡ) cao hơn chuẩn cho phép từ 1,5 - 16 lần².

Nguyên nhân của việc ô nhiễm môi trường làng nghề như hiện nay là do việc tái cơ cấu làng nghề chưa được thực hiện triệt để, hầu hết vẫn

¹ GS.TS. Đặng Kim Chi, Ô nhiễm tại các làng nghề Việt Nam và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường giai đoạn 2021 - 2025, đăng tải trên trang web <http://tapchimoitruong.vn/ngghien-cuu-23/o-nhiem-tai-cac-lang-nghe-viet-nam-va-de-xuat-giai-phap-bao-ve-moi-truong-giai-doan-2021--2025-26475>.

² Giải bài toán phát triển làng nghề không gây ô nhiễm môi trường, đăng tải trên trang web <https://moit.gov.vn/bao-ve-moi-truong/giai-bai-toan-phat-trien-lang-nghe-khong-gay-o-nhiem-moi-truong.html>



Nguồn ảnh: <https://baotainguyenmoitruong.vn/ha-noi-danh-750-ty-dong-de-xu-ly-moi-truong-tai-50-lang-nghe-299677.html>

phát triển tự phát nên đa số các làng nghề có quy mô sản xuất nhỏ, vốn đầu tư thấp nên khó có điều kiện phát triển hoặc đổi mới công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường.

Các cơ sở sản xuất trực tiếp trong các làng nghề chưa đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải, không có các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường theo quy định nên hầu hết chất thải độc hại được thải trực tiếp ra môi trường, không qua xử lý. Bên cạnh đó, do không nhận thức được tác hại lâu dài của ô nhiễm môi trường, chỉ quan tâm đến lợi nhuận mà nhiều cơ sở sản xuất còn sử dụng các nguyên liệu rẻ tiền, hóa chất độc hại nhằm hạ giá thành sản phẩm, làm chất lượng môi trường khu vực các làng nghề ngày càng xấu đi.

Vì vậy, mục tiêu giải quyết cấp bách tình trạng ô nhiễm môi trường trong các làng nghề và vùng lân cận nhằm đảm bảo phát triển các làng nghề theo hướng bền vững đang trở thành nhu cầu cấp thiết và là thách thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực nông thôn hiện nay.

3. Một số giải pháp mang tính bền vững góp phần thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trong khu vực làng nghề

Để thực thi tốt các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Điều 56) và Nghị định số 80/NĐ-CP (Điều 33, 34, 35) thì cần phải có một số giải pháp mang tính chất bền vững, cụ thể:

Thứ nhất, rà soát lại hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường trong khu vực làng nghề.

Trong thời gian tới, các cơ quan có thẩm quyền cần có những giải pháp đồng bộ để rà soát lại hệ thống pháp luật nhằm hạn chế những khoảng trống, chồng chéo, bất cập và ban hành những cơ chế, chính sách mới thúc đẩy làng nghề phát triển bền vững hơn, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân trong khu vực làng nghề. Có thể tiến tới xây dựng một văn bản pháp lý dành riêng cho việc phát triển làng nghề như: Pháp lệnh hoặc Luật về phát triển làng nghề.

Thứ hai, khẩn trương quy hoạch làng nghề gắn với bảo vệ môi trường.

Có thể thấy, việc quy hoạch không gian sản xuất gắn với bảo vệ môi trường là một trong những giải pháp thu được hiệu quả đáng kể. Tuy nhiên, hiện nay việc quy hoạch các làng nghề còn hạn chế về số lượng do thiếu sự đồng bộ, công tác quản lý còn chồng chéo, phân định chưa rõ ràng. Trước những khó khăn đó, đòi hỏi cần có những chính sách phát triển các làng nghề phù hợp sao cho tận dụng được những lợi thế của các địa phương trong quá trình phát triển, vượt qua những thử thách của hội nhập và đảm bảo cho sự phát triển lâu dài, hiệu quả.

Theo Tiến sĩ Dương Đình Giám (Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu chiến lược, Chính sách công nghiệp), chính quyền địa phương và các hộ sản xuất trong làng nghề cùng xem xét phương án quy hoạch đưa khu vực sản xuất làng nghề ra khỏi nơi sinh hoạt của gia đình. Địa phương sẽ quy hoạch khu đất riêng thuộc địa bàn của xã. Các hộ gia đình sẽ được cho thuê đất để chuyển hướng sản xuất ra ngoài. Hạ tầng cơ sở sẽ do địa phương và hộ nghề cùng góp vốn xây dựng. Mô hình này đã được thực hiện thành công ở nhiều địa phương. Tuy nhiên, hiện một số địa phương vẫn gặp khó khăn về quỹ đất để bố trí mặt bằng cho việc di dời này³.

Đây là giải pháp quan trọng nhất, bởi thực tế hiện nay đa số làng nghề đều tập trung ở khu vực đông dân cư, dẫn đến khó mở rộng sản xuất, đồng thời ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến người dân nặng nề hơn.

Vì vậy, các địa phương cần sớm có quy hoạch làng nghề để di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực dân cư. Đồng thời, các khu vực này phải xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, đặc biệt là các công trình xử lý môi trường.

³ Giải bài toán phát triển làng nghề không gây ô nhiễm môi trường, đăng tải trên trang web <https://moit.gov.vn/bao-ve-moi-truong/giai-bai-toan-phat-trien-lang-nghe-khong-gay-o-nhiem-moi-truong.html>

Thứ ba, đối với các làng nghề cần bám sát quy định của luật, lấy quản lý cấp xã làm nòng cốt để quản lý môi trường tại các làng nghề.

Ủy ban nhân dân các xã cần có những đề xuất, khuyến nghị về việc xây dựng các chính sách khuyến khích hỗ trợ tại các làng nghề như: Giảm thuế, phí đối với cơ sở thực hiện tốt bảo vệ môi trường và các cơ sở có đầu tư bảo vệ môi trường hay hỗ trợ vốn cho các dự án cải thiện môi trường thông qua việc lập quỹ bảo vệ môi trường tại địa phương.

Thứ tư, nâng cao trách nhiệm thực thi các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề cho các cơ sở, doanh nghiệp làm nghề và đội ngũ cán bộ, lãnh đạo các cấp chính quyền, ngành chức năng từ tỉnh đến cơ sở, nhất là đội ngũ cán bộ thực hiện công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã.

Cụ thể, phải tăng cường và duy trì thường xuyên, liên tục công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của ngành chức năng, chính quyền cơ sở, mỗi người dân về bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường làng nghề nói riêng. Tăng cường năng lực về vật chất và nhân lực cho bộ máy quản lý về bảo vệ môi trường ở các cấp. Đối với cán bộ chuyên môn cấp xã cần bố trí chuyên trách về môi trường. Cán bộ chuyên trách về môi trường cần thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, xử lý rác thải của các cơ sở, doanh nghiệp làm nghề; nếu địa phương nào để xảy ra ô nhiễm môi trường trên địa bàn mà không có biện pháp xử lý kịp thời, để kéo dài thì phải xem xét đến trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và cán bộ chuyên môn có liên quan.

Thứ năm, sử dụng hương ước làng xã vào việc bảo vệ môi trường. Do các làng nghề thường tập trung ở các thôn, ấp, làng, xã nên việc sử dụng hương ước làng xã vào việc quản lý bảo vệ môi trường là một trong những giải pháp cần được quan tâm, chú trọng vì đây là

một công cụ quản lý môi trường hữu hiệu ở nông thôn do thích hợp với cộng đồng tại từng khu vực. Hương ước làng xã được cộng đồng lập ra dựa trên các quy ước truyền thống và có hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường địa phương sẽ là một trong những giải pháp mang lại hiệu quả cao trong việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường tại các làng nghề.

Thứ sáu, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân, đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường tại các làng nghề.

Có thể thấy, sự đồng thuận của người dân tại địa phương là điều kiện tiên quyết quyết định thành công của việc nỗ lực cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề hiện nay. Và để tạo được sự đồng thuận đó, chính quyền cấp xã cần tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền khác nhau (thông qua tờ rơi, tờ gấp, khẩu hiệu, pano, áp phích; thông qua các cuộc họp thôn ấp, bản, làng hoặc các buổi tuyên truyền trực tiếp đến

từng hộ gia đình kinh doanh trong làng nghề...), qua đó, làm cho người dân hiểu về những tác hại của việc ô nhiễm môi trường làng nghề đối với sức khỏe của chính họ. Nhờ vậy, người dân sẽ có trách nhiệm hơn, tích cực tham gia trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

Thứ bảy, định hướng chính sách huy động cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường làng nghề.

Đối với việc bảo vệ môi trường làng nghề thì việc huy động sự tham gia của cộng đồng lại càng quan trọng và cấp thiết hơn bởi liên quan trực tiếp tới lợi ích kinh tế, xã hội và đời sống, sức khỏe hàng ngày, hàng giờ của cộng đồng dân cư sinh sống ở đây. Đó là các chính sách huy động bắt buộc theo luật định, nghĩa vụ đóng góp thông qua quy định cụ thể của chính quyền từ Trung ương đến địa phương cũng như chính sách huy động tự nguyện được thực hiện thông qua hoạt động bảo vệ môi trường theo nhận thức, ý thức của các tổ chức, cá nhân trong cộng đồng.

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI HÀNH VI GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

Th.S Trần Thị Phương Thảo

Viện KSND huyện Vụ Bản, T.Nam Định



Ảnh minh họa: Nguồn internet

1. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

Lần đầu tiên trong lịch sử xây dựng pháp luật hình sự ở Việt Nam chính thức ghi nhận chủ thể chịu trách nhiệm hình sự (TNHS) là pháp nhân. Khoản 2 Điều 2 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS-2015) quy định: “*Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự*”.

BLHS Việt Nam quy định pháp nhân chịu TNHS chỉ là pháp nhân thương mại, đồng thời pháp nhân chỉ chịu TNHS về một số tội phạm cụ thể đã được quy định tại Điều 76 BLHS-2015. Trên cơ sở đặt ra TNHS của pháp nhân thương mại, BLHS Việt Nam đã quy định các tội phạm mà pháp nhân phải chịu TNHS, trong đó có “Điều 235. Tội gây ô nhiễm môi trường” là một trong số các tội phạm về môi trường mà pháp nhân thương mại phải chịu TNHS khi có hành vi cấu thành tội phạm.

Pháp nhân **thương mại** là doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác được pháp luật công nhận tư cách pháp nhân hoạt động vì mục đích lợi nhuận. Pháp nhân thương mại phạm tội là pháp nhân thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội do lỗi cố ý hoặc vô ý xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, an toàn công cộng và trật tự công cộng; quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân mà theo quy định của BLHS phải chịu TNHS.

2. Hành vi gây ô nhiễm môi trường của pháp nhân thương mại

Hành vi gây ô nhiễm môi trường của pháp nhân thương mại là những hành vi chôn, lấp, thải, xả thải, đổ thải ra môi trường dẫn đến tình trạng làm cho các chỉ số hóa học, lý học của môi trường bị thay đổi theo chiều hướng xấu đi. Sự thay đổi này đã làm ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống của con người và sinh vật, làm thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng và tài sản của các tổ chức, cá nhân khác.

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), sự gây ô nhiễm môi trường được hiểu là sự đưa vào môi trường các chất thải hoặc năng lượng độc hại đến mức gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống sinh vật, sức khỏe con người hoặc làm suy giảm môi trường. Khoản 8 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định hành vi gây ô nhiễm môi trường “*Là sự biến đổi của các thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật*”. Trong đó có các dạng gây ra ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm môi trường nước và ô nhiễm môi trường không khí.

Các loại trách nhiệm pháp lý của pháp nhân thương mại đối với hành vi gây ra ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm: (i) Trách nhiệm dân sự; (ii) Trách nhiệm hành chính; và (iii) Trách nhiệm hình sự.

TNHS là hậu quả pháp lý bất lợi mà pháp nhân phạm tội phải gánh chịu và được thể hiện

bằng việc Tòa án áp dụng hình phạt và các biện pháp cưỡng chế khác được quy định trong BLHS-2015. Pháp nhân thương mại phạm tội gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, đây là hình thức trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất. Hình phạt là biện pháp cưỡng chế của pháp luật hình sự, không chỉ hạn chế quyền tự do, quyền tài sản, quyền chính trị, mà còn có thể chấm dứt vĩnh viễn sự hoạt động của pháp nhân phạm tội. Khi pháp nhân thương mại phạm tội xâm phạm đến môi trường có thể phải chịu hậu quả pháp lý là chịu hình phạt chính: (i) Phạt tiền; (ii) Đình chỉ hoạt động có thời hạn; và (iii) Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Ngoài hình phạt chính, pháp nhân thương mại còn có thể bị áp dụng các hình phạt bổ sung: (i) Cấm kinh doanh; (ii) Cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; (iii) Cấm huy động vốn; và (iv) Phạt tiền khi không áp dụng là hình phạt chính.

Theo quy định tại Điều 235 BLHS-2015, gây ô nhiễm môi trường là hành vi làm cho các tính chất vật lý, hóa học, sinh học của môi trường bị thay đổi gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người và các sinh vật khác. Hay nói cách khác, gây ô nhiễm môi trường là hành vi thải vào không khí, nguồn nước, đất các chất gây ô nhiễm hoặc phát tán bức xạ, phóng xạ vượt quá quy chuẩn kỹ thuật cho phép gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người và các sinh vật khác. Điều 235 BLHS-2015 quy định pháp nhân thương mại cũng là chủ thể của tội phạm này và được quy định tại khoản 5 của điều luật.

3. Điều kiện một pháp nhân thương mại phải chịu TNHS về tội gây ô nhiễm môi trường

3.1. Điều kiện một pháp nhân thương mại phải chịu TNHS theo quy định của BLHS

Đây là một trong những quy định mang tính tiên quyết trong việc xem xét TNHS của pháp nhân. Điều 75 BLHS-2015 quy định pháp nhân thương mại chỉ phải chịu TNHS khi có đủ 04 điều kiện: (i) Hành vi phạm tội được thực hiện

nhân danh pháp nhân thương mại; (ii) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; (iii) Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại; (iv) Chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 và 3 Điều 27 của BLHS-2015.

Các điều kiện chịu TNHS của pháp nhân thương mại nêu trên, có sự liên kết chặt chẽ với nhau (03 điều kiện đặc thù đối với pháp nhân và 01 điều kiện áp dụng chung cho cả cá nhân và pháp nhân), nếu thiếu một trong các điều kiện này thì không thể truy cứu TNHS đối với pháp nhân.

Trong trường hợp có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm mà đáng ra pháp nhân thương mại phải bị truy cứu TNHS theo quy định, nhưng hành vi phạm tội đó không có sự chỉ

đạo, điều hành, phân công hay đồng ý của pháp nhân thì dù có gây ra hậu quả nguy hại đến mức nào TNHS cũng không đặt ra đối với pháp nhân thương mại.

3.2. Các dấu hiệu cơ bản của tội phạm gây ô nhiễm môi trường

Các dấu hiệu về chủ thể của tội phạm đối với pháp nhân thương mại

Ngoài người phạm tội, chủ thể của tội gây ô nhiễm môi trường còn có cả pháp nhân thương mại. Theo quy định tại khoản 1 Điều 235, đối với các hành vi quy định tại các điểm b, d, e và g khoản 1 của điều luật mà người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại đã bị xử phạt hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì mới cấu thành tội phạm.



Đánh giá mức độ vi phạm quy định về môi trường

Nguồn Internet

Các dấu hiệu về khách thể của tội phạm

Tội gây ô nhiễm môi trường là tội xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, cụ thể là sự trong sạch của không khí, nguồn nước, đất trong môi trường sống của con người và thiên nhiên. Đối tượng tác động của tội phạm này là không khí, nguồn nước, đất, là những yếu tố không thể thiếu được trong sự tồn tại và phát triển của con người và thiên nhiên bị ô nhiễm.

Các dấu hiệu thuộc mặt khách quan của tội phạm

Do đặc điểm của đối tượng tác động của tội phạm gồm nhiều loại khác nhau, nên hành vi gây ô nhiễm môi trường cũng khác nhau tùy thuộc vào từng đối tượng.

(i) Gây ô nhiễm không khí là hành vi thải vào không khí các loại khói, bụi, chất độc hoặc các yếu tố độc hại khác; phát bức xạ, phóng xạ quá tiêu chuẩn cho phép. Các loại khói, bụi, chất độc hoặc các yếu tố độc hại khác được phép thải vào không khí phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định về tiêu chuẩn chất lượng không khí xung quanh, khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

(ii) Phát bức xạ, phóng xạ quá tiêu chuẩn cho phép là hành vi làm thay đổi chất lượng, số lượng của thành phần không khí gây ảnh hưởng xấu cho đời sống của con người và thiên nhiên bằng cách phát bức xạ, phóng xạ. Bức xạ gồm bức xạ ion và không khí ion hóa mà khi tác dụng lên cơ thể sống với liều lượng vượt quá giới hạn cho phép có thể gây tổn thương và nguy hiểm cho cơ thể.

(iii) Gây ô nhiễm nguồn nước là hành vi thải vào nguồn nước dầu mỡ, hóa chất độc hại, chất phóng xạ quá tiêu chuẩn cho phép, các chất thải, xác động vật, thực vật, vi khuẩn, siêu vi khuẩn, ký sinh trùng độc hại và gây dịch bệnh hoặc các yếu tố độc hại khác. Nguồn nước không phân biệt nước biển, sông, suối, ao, hồ, kênh, rạch... kể cả các nguồn nước ngầm dưới lòng đất.

(iv) Gây ô nhiễm đất là hành vi chôn vùi hoặc thải vào đất các chất độc hại quá tiêu chuẩn cho phép. Các chất độc hại bị chôn vùi hoặc thải vào đất là các chất khi chưa bị chôn vùi hoặc thải vào đất đã được xác định là chất độc hại chứ không phải sau khi chôn vùi hoặc thải vào đất các chất đó bị phân hủy thành các chất độc hại.

Các dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội phạm

Lỗi của người phạm tội là do cố ý, tức là người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra hoặc thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.

Tuy nhiên, không phải tất cả các trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm do lỗi cố ý, mà chỉ đối với các trường hợp đã bị xử phạt hành chính hoặc đã bị kết án về tội gây ô nhiễm môi trường, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Các trường hợp sau khi đã bị xử phạt hành chính, vẫn cố tình không thực hiện các biện pháp khắc phục theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, nên tội phạm này phải được coi là do cố ý. Còn đối với trường hợp người phạm tội cố ý về hành vi nhưng không mong muốn cho hậu quả xảy ra, thì người phạm tội thực hiện tội phạm là do lỗi vô ý (vô ý vì quá tự tin). Cho dù người phạm tội thực hiện hành vi do lỗi cố ý hay do lỗi vô ý thì cũng chỉ có ý nghĩa xem xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội chứ không làm thay đổi tội danh mà người phạm tội thực hiện là tội gây ô nhiễm môi trường.

4. Một số đề xuất, kiến nghị

Chế định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội được áp dụng gần 5 năm, nhưng trên thực tế chưa có pháp nhân thương mại nào bị xử lý theo thủ tục tố tụng hình sự về hành vi gây ô nhiễm môi trường, mặc dù các hành vi gây ô nhiễm môi trường diễn ra trên địa bàn nhiều địa phương trong phạm vi cả

nước. Đã có những trường hợp cá nhân lợi dụng việc không xử lý hình sự đối với pháp nhân, để thành lập các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhằm trục lợi từ việc khai thác và hủy hoại môi trường... Một trong những lý do dẫn đến tình trạng nêu trên, đó là:

(i) Việc xác định thiệt hại do ô nhiễm môi trường là rất khó khăn, để xác định được thiệt hại, cơ quan có thẩm quyền phải thuê tổ chức giám định thiệt hại, mất chi phí, thời gian mà không phải trường hợp nào cũng xác định chính xác con số thiệt hại. Nhiều vụ việc đã xảy ra, thiệt hại không xuất hiện ngay, nhưng di chứng để lại sau thời gian rất dài, thậm chí ảnh hưởng tới nhiều thế hệ sau.

(ii) Quy định về yêu cầu bồi thường thiệt hại hiện nay chỉ được chấp nhận khi có thiệt hại thực tế và người yêu cầu phải chứng minh các thiệt hại này. Trên thực tế, người bị tác động bởi hành vi gây ô nhiễm môi trường khó có đủ khả năng để thực hiện đầy đủ các yêu cầu để được giải quyết bồi thường thiệt hại.

(iii) Thủ tục tố tụng về nghĩa vụ chứng minh thiệt hại hiện nay, tác động đến việc xác định TNHS do hành vi gây ô nhiễm môi trường của pháp nhân gây ra, vì dấu hiệu hậu quả thiệt hại là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Do đó, pháp luật nên quy định theo hướng chỉ cần chứng minh hành vi phạm tội của pháp nhân là đủ điều kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại, không cần thiết phải chứng minh được thiệt hại.

Bảo vệ môi trường, xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường là điều quan trọng, cần thiết hiện nay ở Việt Nam. Ô nhiễm môi trường trong nhiều năm qua đã và đang gây ra những thiệt hại không thể lường hết về tài sản, sức khỏe, tính mạng của con người, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế của đất nước. Bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà là của toàn xã hội, trong đó cộng đồng doanh nghiệp đóng vai trò hết sức quan trọng.

XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG NHỮNG VẤN ĐỀ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA QUAN TÂM

Luật sư - Nhà báo Trần Văn Chương

Trung tâm HTPL và PTNNL

Hiệp hội doanh nghiệp NVV Việt Nam

Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên. Hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu...

1. Doanh nghiệp và môi trường

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng công nghiệp đã góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế của đất nước, tuy nhiên quá trình công nghiệp hóa và các hoạt động thương mại, dịch vụ đã gây nên những tác động môi trường đáng báo động trên cả nước. Tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, nhất là ở khu công nghiệp, làng nghề và các địa bàn tập trung dân cư. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (NVV) ở Việt Nam phát triển nhanh có nhiều đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế của đất nước, tuy nhiên phần lớn các doanh nghiệp lại chưa thực hiện đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Các vi phạm về môi trường của doanh nghiệp tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực sau:

(i) Tại các khu công nghiệp, làng nghề các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất xả chất thải công nghiệp, chất độc hại trong quá trình sản xuất không qua xử lý đưa trực tiếp vào sông, suối, ao, hồ... gây tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái, gây nguy hại cho sức khỏe của cho cộng đồng. Đây là những doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghệ lạc hậu, khó khăn về vốn và chất lượng nguồn nhân lực, ý thức trách nhiệm của người quản lý chỉ lo tập trung vào sản xuất trực tiếp mà không đầu tư vào xử lý chất thải.

(ii) Việc khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên: mỏ, vật liệu xây dựng, vàng đá quý, thủy điện, khai phá rừng trái phép, sỏi mòn đất đá, khai thác cát trái phép... đã và đang làm hủy hoại môi trường sinh thái. Việc sử dụng mùn khai thác ở nhiều lĩnh vực phá hoại sự cân bằng về hệ sinh thái môi trường.

(iii) Trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, chế biến nông, thủy sản, thực phẩm do sử dụng các loại thuốc trừ sâu, phân hóa học, thuốc kích thích sinh trưởng, kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, hóa chất bảo vệ thực phẩm, lương thực, rau củ quả, dược liệu... do nhập lậu, sử dụng bừa bãi các loại hóa chất trái phép không được kiểm soát đã gây ra nguy hại cho môi trường và người tiêu dùng trên khắp các địa phương trên cả nước.

(iv) Việc nhập khẩu trái phép phế thải, thiết bị công nghệ lạc hậu núp bóng dưới hình thức là nguyên liệu sản xuất,... với các thủ đoạn tinh vi đã đưa các chất thải công nghiệp độc hại vào Việt Nam. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chôn lấp xuống lòng đất chất thải trái phép, tự ý khoan giếng để khai thác và sử dụng nước ngầm mà không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

(v) Nồng độ bụi ở đô thị, khí thải CO₂ ở các thành phố lớn, khu công nghiệp, làng nghề thủ

công vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần; ngoài ra là ô nhiễm tiếng ồn; rác thải sinh hoạt, rác thải xây dựng, y tế cũng là vấn đề nan giải đối với các thành phố và khu dân cư tập trung.

2. Trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường

Phát triển sản xuất – kinh doanh, bảo vệ môi trường, sử dụng một cách hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên nhằm thỏa mãn nhu cầu, nâng cao chất lượng cuộc sống con người nhưng không làm hủy hoại môi trường sống hoặc gây ra những thảm họa sinh thái cho các thế hệ sau, là điều mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang nỗ lực quyết tâm thực hiện; trong đó vai trò của doanh nghiệp NVV là hết sức quan trọng. Bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm mà còn mang lại những lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp, đó là:

(i) Doanh nghiệp không thể tồn tại và phát triển trong một môi trường sống bị ô nhiễm, nguồn tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt, nguồn nhân lực không đảm bảo cho hoạt động sản xuất - kinh doanh.

(ii) Việc tiếp cận, sự lựa chọn của người tiêu dùng với nhu cầu sản phẩm sạch, dịch vụ đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của quốc tế là xu hướng tất yếu. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế không đáp ứng được nhu cầu sẽ bị loại khỏi thị trường không chỉ với người tiêu dùng khu vực và thế giới quốc tế mà ngay cả với khách hàng trong nước.

(iii) Việc tuân thủ quy định pháp luật về môi trường giúp doanh nghiệp có cơ hội và ưu thế trong hoạt động đầu tư, hưởng ưu đãi từ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, lợi thế cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Bảo vệ môi trường sẽ giúp cho doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm đối với xã hội, đây chính là nền tảng cốt lõi cho doanh nghiệp phát triển bền vững và hội nhập.

(iv) Doanh nghiệp tránh được trách nhiệm pháp lý đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản - xuất kinh doanh về dân sự, hành chính và trách nhiệm hình sự (đối với pháp nhân thương mại).

3. Quy định mới về xử phạt hành chính trong lĩnh vực môi trường



Ảnh minh họa

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2022. Ngày 07/7/2022 Chính Phủ ban hành Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường (Nghị định 45/2022/NĐ-CP).

Nghị định 45/2022/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 25/8/2022 và thay thế Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và Nghị định số 55/2021/NĐ-CP. Nội dung của Nghị định có nhiều điểm mới, được tiếp cận trên tinh thần của Luật Luật

Bảo vệ môi trường năm 2020, với quan điểm chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, trao quyền tự chủ cho doanh nghiệp. Quy định mức xử phạt nghiêm khắc hơn, đủ sức răn đe ngăn chặn đối với các hành vi cố tình vi phạm hủy hoại môi trường.

Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường gồm:

a) Các hành vi vi phạm các quy định về đăng ký môi trường, giấy phép môi trường, đánh giá tác động môi trường;

b) Các hành vi gây ô nhiễm môi trường;

c) Các hành vi vi phạm các quy định về quản lý chất thải;

d) Các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế, cụm công nghiệp, làng nghề;

đ) Các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, phế liệu; nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; hoạt động lễ hội, du lịch và khai thác khoáng sản;

e) Các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy;

g) Các hành vi vi phạm các quy định về thực hiện phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố chất thải; giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn;

h) Các hành vi vi phạm về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học bao gồm: các quy định về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật, bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền;

i) Các hành vi vi phạm các quy định về thực hiện quan trắc môi trường; quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai thông tin về môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường;

k) Các hành vi cản trở trong hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính và các hành vi vi phạm quy định khác về bảo vệ môi trường.

Thẩm quyền xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của lực lượng Quản lý thị trường và thanh tra chuyên ngành Công thương:

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Thanh tra viên chuyên ngành công thương đang thi hành công vụ có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 500.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 1.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ khoản 3 Điều 4 Nghị định 45/2022/NĐ-CP.

3. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục nghiệp vụ Quản lý thị trường có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 25.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 3 Điều 4 của Nghị định 45/2022/NĐ-CP.

4. Chánh thanh tra Sở Công Thương, Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành về công thương của Sở Công Thương có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 100.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định 45/2022/NĐ-CP.



Lực lượng chức năng của tỉnh kiểm tra khu vực chứa chất thải của Công ty TNHH Shing Mark Vina (H.Trảng Bom). Ảnh: T.Danh

5. Cục trưởng Cục quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 3 Điều 4 của Nghị định 45/2022/NĐ-CP.

6. Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành Bộ Công Thương có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 250.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000.000 đồng; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định 45/2022/NĐ-CP.

7. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường có quyền: phạt cảnh cáo; phạt tiền đến

1.000.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 3 Điều 4 của Nghị định 45/2022/NĐ-CP.

Lực lượng Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động quản lý thị trường, hàng hóa và hoạt động mua, bán, sử dụng động vật hoang dã, được quy định tại các Điều 46, 49, 51, 52, 54 và 55 của Nghị định này gồm:

- Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn.
- Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật.

- Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại.

- Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen.

- Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen.

- Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.

- Thanh tra chuyên ngành công thương có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 45, 46 của Nghị định này.

Phạt tiền tối đa 01 tỷ đồng đối với cá nhân và 02 tỷ đồng đối với tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây: Cảnh cáo; phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là 1.000.000.000đ đối với cá nhân và 2.000.000.000đ đối với tổ chức.

Ngoài ra, các nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, bao gồm: Tước quyền sử dụng có thời hạn đối với giấy phép môi trường, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy và xử lý theo quy định của pháp luật; đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng giấy phép môi trường có thời hạn đối với cơ sở hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công được nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

Ngoài các hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo

vệ môi trường còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả như: buộc phải khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu hoặc phục hồi môi trường theo quy định; buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; buộc phải phá dỡ công trình, thiết bị để pha loãng chất thải và phải xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; buộc phá dỡ, di dời công trình, cây trồng; buộc phá dỡ công trình, nhà ở trái phép; buộc tiêu hủy máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, tàu biển đã qua sử dụng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, chất thải nhập khẩu từ nước ngoài; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính...

**** Phạt tiền từ 40 triệu đồng đến 50 triệu đồng đối với hành vi rò rỉ, thải hóa chất độc vào môi trường đất, nước***

Đối với hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, các mức phạt được quy định như sau:

- Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi rò rỉ, thải hóa chất độc vào môi trường đất, nước trái quy định về bảo vệ môi trường;

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với trường hợp hàm lượng chất gây ô nhiễm trong đất, nước hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật dưới 3 lần đối với thông số môi trường nguy hại hoặc dưới 5 lần đối với thông số môi trường thông thường;

Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp hàm lượng chất gây ô nhiễm trong đất, nước hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 3 lần đến dưới 5 lần đối với thông số môi trường nguy hại hoặc từ 5 lần đến dưới 10 lần đối với thông số môi trường thông thường.

Vứt bỏ rác thải không đúng nơi quy định bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 01 triệu đồng

Những vi phạm về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 150.000 đồng đối với hành vi vứt, thải, bỏ đầu, mẩu, tàn thuốc lá không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng;

- Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng đối với hành vi vệ sinh cá nhân (tiểu tiện, đại tiện) không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng;

- Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vứt, thải, bỏ rác thải, đổ nước thải không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng.

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển nguyên liệu, vật liệu không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường trong khi tham gia giao thông.

Đối với hoạt động quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, lễ hội, khu du lịch, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà, nếu có các hành vi sau đây sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng:

- Không có đủ công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom chất thải đáp ứng yêu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường theo quy định;

- Không thu gom chất thải trong phạm vi quản lý theo quy định;

- Không bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý; không có cán bộ, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát theo quy định.

Không phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề sẽ bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại chỗ.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành quy chế bảo vệ môi trường cụm công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; không phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường, kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong cụm công nghiệp theo quy định;

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí diện tích cây xanh bảo đảm tỷ lệ theo quy định; không bố trí hố ga lắng cặn, tách váng dầu của nước mưa trước khi xả vào môi trường tiếp nhận; không ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải theo quy định.

- Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không thu gom, đấu nối triệt để nước thải của các cơ sở trong cụm công nghiệp vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định.

Bảo vệ môi trường là bảo vệ chất lượng môi trường nói chung, vừa bảo vệ chất lượng của từng thành phần môi trường: đất, rừng, nguồn nước, nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học. Việc tăng mức xử phạt các hành vi vi phạm trong lĩnh vực môi trường là điều cần thiết trong giai đoạn hiện nay, mới đủ sức răn đe, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng ở Việt Nam.

Hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu... Việc tham gia trực tiếp, tích cực của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong việc bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm mà

còn là nhu cầu cấp thiết trong kinh doanh, đem lại lợi ích cho doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp NVV Việt Nam nói riêng, đó là sự phát triển bền vững và đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế. Phát triển kinh tế - xã hội; phát triển con người và khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên là các yếu tố gắn bó chặt chẽ trong quá trình xây dựng và bảo vệ Đất nước.

TÁC ĐỘNG CỦA CAM KẾT VỀ MÔI TRƯỜNG TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO (FTA) THẾ HỆ MỚI ĐẾN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Đỗ Hà Anh

Văn phòng Luật sư Phú Thành, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

1. Dẫn nhập

Trong những năm qua, Việt Nam luôn là một trong số quốc gia có mức hội nhập kinh tế ở mức rất cao, đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế nhờ vào việc đẩy mạnh mở cửa, hội nhập kinh tế thế giới, tích cực tham gia mạng lưới các *Hiệp định thương mại tự do (FTA)*, bao gồm một số FTA thế hệ mới. “*FTA thế hệ mới*” được hiểu là các FTA với những cam kết sâu rộng và toàn diện, bao hàm những cam kết về tự do thương mại hàng hóa và dịch vụ như các “FTA truyền thống”. So với FTA truyền thống, FTA thế hệ mới có mức độ tự do hóa thương mại cao hơn, tăng tính linh hoạt trong các cam kết, có cơ chế giám sát yêu cầu cao hơn, chặt chẽ hơn trong quá trình thực thi, áp dụng cơ chế pháp lý mới trong giải

quyết các tranh chấp phát sinh và đặc biệt là mở rộng phạm vi cam kết. Cụ thể, FTA thế hệ mới bổ sung thêm những cam kết về lĩnh vực phi thương mại liên quan như lao động, sở hữu trí tuệ, minh bạch hoá, cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư, mua sắm Chính phủ,... và một vấn đề cực kỳ được quan tâm hiện nay hướng tới phát triển bền vững, đó là môi trường.

Trên cơ sở nghiên cứu khái quát về cam kết môi trường trong FTA thế hệ mới, thực trạng Việt Nam tham gia FTA thế hệ mới có nội dung cam kết về môi trường, bài viết chỉ ra tác động của cam kết về môi trường trong các FTA thế hệ mới đến doanh nghiệp Việt Nam, mà cụ thể là những cơ hội và thách thức mà các cam kết này mang lại cho doanh nghiệp nước nhà.



Ảnh minh họa

2. Tổng quan về cam kết về môi trường trong FTA thế hệ mới

Mối quan hệ giữa thương mại và bảo vệ môi trường từ lâu đã là mối quan tâm của một số nhà hoạch định chính sách trên thế giới. Trong những năm gần đây, các FTA kể cả song phương và đa phương đều có xu hướng bao gồm các nội dung cam kết về môi trường, được xây dựng dựa trên mối quan tâm, lợi ích và điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội của quốc gia tham gia đàm phán và ký kết. Một số FTA cam kết các nội dung về môi trường nhằm thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực cụ thể về thương mại có liên quan về môi trường của các quốc gia thành viên; một số FTA khác thì cam kết nội dung về môi trường có yêu cầu và tiêu chuẩn cao hơn thể hiện qua mức độ cam kết và các nghĩa vụ, thậm chí còn sử dụng công cụ kinh tế như áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp có trừng phạt hoặc bồi thường về thương mại nếu có tranh chấp thương mại liên quan đến môi trường. Đặc biệt, các FTA thế hệ mới thường cam kết về môi trường trong một chương riêng biệt, thể hiện tầm quan trọng của môi trường trong phát triển bền vững kinh doanh thương mại hiện nay.

Về mức độ cam kết, trong mỗi FTA thì mức độ cam kết về môi trường có sự cao thấp khác nhau, tùy vào sự quan tâm của (nhóm) quốc gia thành viên tham gia. Một số nội dung có mức độ cam kết cao, một số khác có mức độ cam kết chỉ ở ngưỡng trung bình hoặc thấp, hoặc chỉ mang tính khuyến nghị, khuyến khích hợp tác giữa các bên về môi trường như đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, hàng hoá và dịch vụ môi trường.

3. Thực trạng Việt Nam tham gia FTA thế hệ mới có nội dung cam kết về môi trường

Việt Nam hiện nay đã đàm phán, ký kết và thực thi 17 FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới. Việc tham gia các FTA này sẽ mang lại cơ hội lớn cho Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng nhưng cũng là những rủi ro, thách thức mà đất nước phải vượt qua để nâng

cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy hoạt động kinh tế đối ngoại và tham gia vào các khâu sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn. Vì vậy, trong bối cảnh cơ hội và thách thức đan xen, Việt Nam đang có những nỗ lực to lớn về chính sách đối ngoại để đưa đất nước hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế, tạo thuận lợi và tăng cường quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các nước đối tác cũng như mang lại những lợi ích thiết thực, đặc biệt là trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư phát triển bền vững theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.

Trong các FTA thế hệ mới Việt Nam tham gia, nổi bật có thể kể đến Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), theo Nghị quyết số 102/2020/QH14 phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) và Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12/11/2018 phê chuẩn Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Rõ ràng là với các cam kết sâu rộng và toàn diện, CPTPP và EVFTA đã, đang và sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam. Trước hết, các FTA này góp phần tạo khuôn khổ ổn định, lâu dài cho việc củng cố và nâng cao quan hệ hợp tác, nhất là hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với các nước ký kết, trong đó có một số đối tác quan trọng như Nhật Bản, Australia, Canada, Singapore, Malaysia... cũng như các nước thành viên EU. Bên cạnh đó, việc thực thi CPTPP và EVFTA là một bước tiến quan trọng thúc đẩy đa dạng hóa thị trường và đối tác cho đất nước.

Đây cũng là hai FTA có nội dung cam kết về môi trường ở mức độ cao. Thậm chí có thể nói nội dung về bảo vệ môi trường trong CPTPP và EVFTA là một trong những chế định quan trọng, định hình thể chế phát triển kinh tế bền vững của các quốc gia thành viên trong đó có Việt Nam. Cam kết về môi trường trong hai FTA này mang ý nghĩa “Sự hỗ trợ lẫn nhau của Thương mại và Môi trường”, với các mục tiêu thúc đẩy mối quan

hệ tương hỗ giữa các chính sách thương mại và môi trường, đảm bảo rằng các hoạt động thương mại và đầu tư sẽ không có tác động tiêu cực đến bảo vệ môi trường. Ngoài ra, cam kết cũng hướng tới tăng cường bảo vệ môi trường ở mức độ cao và thực thi hiệu quả luật môi trường; nâng cao năng lực của các bên để giải quyết các vấn đề liên quan đến thương mại và các vấn đề môi trường, bao gồm cả thông qua hợp tác.

Trong CPTPP, cam kết về môi trường được quy định riêng tại Chương 20 với 81 Điều; còn trong EVFTA, cam kết về môi trường được quy định riêng tại Chương 13 với 41 Điều. Hai FTA này nhìn chung quy định cam kết và nghĩa vụ về môi trường được chia làm 5 nhóm: (1) chính sách và các quy định của pháp luật môi trường trong nước; (2) cam kết quốc tế về môi trường; (3) công khai, minh bạch; (4) nghĩa vụ đối với một số lĩnh vực cụ thể về môi trường; và (5) cơ chế tham vấn, giải quyết tranh chấp. Các điều khoản này đã được đưa vào các nghĩa vụ cam kết ràng buộc và buộc các nước thành viên phải thực hiện chúng thông qua việc sử dụng các công cụ kinh tế, đặc biệt là việc áp dụng cơ chế tham vấn và cơ chế giải quyết tranh chấp (có áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại) đối với các vấn đề phát sinh hoặc tranh chấp môi trường liên quan đến thương mại và đầu tư giữa hai hoặc nhiều bên. Ngoài ra, cam kết về môi trường trong hai FTA này cũng bao gồm các điều khoản nhằm tăng tính minh bạch và nghiêm túc trong việc thực hiện các nghĩa vụ của chương, cụ thể là nghĩa vụ tạo điều kiện cho công chúng tham gia vào quá trình thực hiện; nghĩa vụ chia sẻ và công bố thông tin liên quan đến việc thực hiện và nghĩa vụ khuyến khích và cho phép công chúng tham gia giám sát quá trình thực hiện các cam kết về môi trường.

Như vậy, có thể nói cả Việt Nam cũng giống như các quốc gia thành viên khác của các FTA, đều coi trọng và đặt ra các mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. Do đó, các cam kết

và nghĩa vụ về môi trường được thiết lập trong các FTA đặt ra yêu cầu đối với trách nhiệm của Chính phủ, các doanh nghiệp và mọi người dân trong việc thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các cam kết và nghĩa vụ này.

4. Tác động của cam kết về môi trường trong FTA thế hệ mới đến doanh nghiệp Việt Nam

Có thể thấy, các FTA thế hệ mới luôn có những tác động mạnh mẽ đến rất nhiều lĩnh vực của nước ta, không chỉ đối với hệ thống pháp luật môi trường mà còn đối với nền chính trị, kinh tế - xã hội. Kinh doanh thương mại là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng to lớn từ sự xuất hiện của những cam kết về môi trường trong các FTA thế hệ mới mà Việt Nam tham gia. Trong đó, doanh nghiệp là chủ thể liên quan chịu tác động nhiều nhất bởi những cam kết này, bao gồm cả tác động tích cực và các thách thức đặt ra cho doanh nghiệp nước nhà.

4.1. Tác động tích cực đối với doanh nghiệp Việt Nam

Thứ nhất, mở rộng cơ hội hợp tác quốc tế cho doanh nghiệp Việt Nam. Các cam kết sâu rộng về môi trường tạo cơ hội cho doanh nghiệp nước ta hoạt động trong môi trường kinh doanh hoàn thiện hơn trước đây khi chưa có những cam kết này. Ví dụ: Chương 13 EVFTA ghi nhận quyền quyết định các mục tiêu, chiến lược, chính sách và ưu tiên phát triển bền vững của mình; thiết lập mức độ bảo vệ môi trường, xã hội phù hợp với bối cảnh của mình. Cả CPTPP và EVFTA đều đề cao vai trò doanh nghiệp và tầm quan trọng của việc thiết lập các cơ chế tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận các lợi ích của tự do thương mại. Đây là cách tiếp cận tiên bộ và thực tiễn, bởi doanh nghiệp chính là người đưa các cam kết vào cuộc sống. Rõ ràng những cam kết về môi trường theo hướng thông thoáng và minh bạch hơn là đòn bẩy cho cả đầu tư trong nước và nước ngoài như nâng cao kim ngạch xuất khẩu, thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ và về lâu



Hoạt động khai thác đá gây ô nhiễm môi trường. (Ảnh: PV/Vietnam+)

về dài là doanh nghiệp được hưởng lợi từ sức ép cải cách thể chế, hệ thống thiết chế pháp luật theo các điều kiện và cam kết.

Thứ hai, tạo ra cơ hội đa dạng hóa quan hệ kinh tế - thương mại với doanh nghiệp các quốc gia khác, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu, đặc biệt là đối với những sản phẩm và dịch vụ thế mạnh của doanh nghiệp Việt Nam như nông sản, nhựa, cao su, hoá chất, thép, dệt may, da - giày... Theo ông Lê Hoàng Tài - Phó Cục trưởng Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương), EVFTA có hiệu lực đã mở ra nhiều cơ hội cho ngành hàng thủy sản nước ta, với khoảng 220 số dòng thuế các sản phẩm thủy sản có thuế suất cơ sở từ 0% đến 22%, trong đó phần lớn thuế cao từ 6% đến 22% đã được đưa về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực vào ngày 1/8/2020, số dòng thuế còn lại được cắt giảm về 0% theo lộ trình 3 đến 7 năm, góp phần quan trọng tăng cao sức cạnh tranh về giá của thủy sản Việt Nam so với các sản phẩm cùng loại của các quốc gia khác.¹

¹ <https://nhandan.vn/tan-dung-loi-the-fta-de-xuat-khau-nong-san-post698289.html>, truy cập ngày 17/8/2022.

Thứ ba, tạo cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận phương thức, quy trình tiên tiến, hiện đại và học hỏi nguồn nhân lực thực thi bảo vệ môi trường từ các quốc gia đã phát triển. Là một quốc gia đang phát triển, vấn đề môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam chưa thực sự được quan tâm và cũng chưa đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường theo chuẩn quốc tế, thì việc gia nhập các FTA có cam kết về môi trường giúp doanh nghiệp nước ta có cơ hội được tiếp cận với nguồn công nghệ/kỹ thuật cao, với trình độ quản lý/sản xuất hiện đại từ các nước phát triển, để nâng cao năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm,...

4.2. Các khó khăn và thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực to lớn, những cơ hội mới đầy tiềm năng đã nêu, doanh nghiệp Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ việc thực thi các FTA thế hệ mới. Chúng ta cần nhìn nhận thẳng thắn những khó khăn, thách thức không nhỏ đối với cộng đồng doanh nghiệp nước nhà hiện nay.

Thứ nhất, có nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc doanh nghiệp Việt Nam nắm bắt và thực hiện các cam kết về môi trường trong FTA.

- Một là khó khăn trong việc các doanh nghiệp Việt Nam nhận thức và hiểu rõ các cam kết về môi trường trong FTA. Do sự khác biệt về ngôn ngữ và sai khác về bản dịch nên việc doanh nghiệp hiểu để áp dụng các cam kết còn gặp nhiều khó khăn. Nếu không có các tài liệu chính thống giúp doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng và nắm bắt đúng đắn các nội dung của FTA thì doanh nghiệp Việt Nam khó có thể cập nhật thường xuyên, hiểu rõ và nắm bắt một cách tường tận các quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của mình liên quan đến cam kết về môi trường trong FTA thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên. Mặc dù gần đây, nhiều chính sách, luật pháp về môi trường đã được xây dựng và ban hành; nhưng trong một số lĩnh vực liên quan đến môi trường vẫn còn thiếu các quy định cụ thể, quản lý còn chồng chéo, dẫn đến khó khăn, bất cập trong quản lý và thực hiện các cam kết, nghĩa vụ quốc tế. Điều này xuất phát từ một số nguyên nhân như hệ thống chính sách, pháp luật về môi trường vẫn đang trong quá trình hoàn thiện.

- Hai là khó khăn trong việc các doanh nghiệp Việt Nam tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường theo cam kết trong FTA. Hiện nay, một số lượng lớn doanh nghiệp vẫn chưa thực sự quan tâm đến CPTPP, EVFTA và nhiều doanh nghiệp thiếu thông tin hoặc không nắm được thông tin chính xác, kịp thời về các tiêu chuẩn, yêu cầu và điều kiện môi trường của FTA nên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Vẫn còn khá phổ biến hiện tượng vi phạm pháp luật về môi trường, thiếu sự đầu tư các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, nếu được đầu tư thì không vận hành theo đúng quy trình... Nhiều trường hợp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, thậm chí gây sự cố về môi trường. Đây là những trường hợp dễ dẫn đến rủi ro như xảy ra khiếu nại hoặc khiếu kiện

theo quy định của hai FTA. Vì vậy, việc thực hiện và tuân thủ pháp luật về môi trường của các doanh nghiệp nhìn chung chưa thực sự hiệu quả như mong đợi.

- Ba là khó khăn trong việc doanh nghiệp Việt Nam tự thiết lập và vận hành hiệu quả các nghĩa vụ bắt buộc liên quan đến môi trường. Trong các FTA thế hệ mới, có một số thiết chế phải thiết lập trên thực tế đã được quy định cứng (về mô hình, chức năng, lộ trình,...) bắt buộc phải triển khai trong quá trình thực thi. Tuy nhiên, những yêu cầu này lại không dễ dàng thực hiện đối với điều kiện của đại đa số các doanh nghiệp Việt Nam (chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa).

- Bốn là khó khăn trong việc sửa đổi và điều chỉnh các thiết chế đang tồn tại theo những yêu cầu về thủ tục, trình tự trong các cam kết môi trường của các FTA thế hệ mới. Bên cạnh những cam kết thương mại truyền thống, còn có những cam kết mang tính quy tắc, có ý nghĩa ràng buộc cao trong cách hành xử chính sách của các quốc gia thành viên, trải rộng trên nhiều lĩnh vực bao gồm cả các lĩnh vực phi thương mại như môi trường. Trong khi đó, hầu hết các cam kết này đều phải thực hiện ngay khi FTA có hiệu lực hoặc trong thời hạn chỉ vài năm sau đó, đặt ra thách thức to lớn không chỉ về năng lực mà cả về nguồn lực thực thi đối với các doanh nghiệp nước ta.

Thứ hai, thách thức từ cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn và nguồn nhân lực yếu kém của doanh nghiệp Việt Nam.

Là một quốc gia thành viên có trình độ phát triển thấp hơn hầu hết các thành viên CPTPP và EVFTA khác, Việt Nam sẽ chịu áp lực về đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển bền vững như kỹ thuật, yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm cũng như các tiêu chuẩn “khắt khe” về quy tắc xuất xứ, đặc biệt là đối với hàng dệt may và thủy sản. Ví dụ khi Việt Nam trở thành đối tác chiến lược với EU, các quốc gia thuộc EU có yêu cầu rất cao và nghiêm ngặt về tiêu chuẩn môi trường, chất

lượng và an toàn đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài. EU ban hành các quy định nghiêm ngặt về các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan, như các sản phẩm phải được dán nhãn CE (nhãn hiệu bắt buộc đối với hàng hóa (theo quy định) và được coi như giấy thông hành thương mại vào thị trường EU) để được coi là đáp ứng các quy định về an toàn và môi trường và được lưu hành trên thị trường EU. Trong thời gian qua, EU ngày càng chú trọng hơn đến các yếu tố thể hiện tính thân thiện với môi trường của sản phẩm và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh hàng hóa và dịch vụ của mình. Trong điều kiện nước ta hiện nay, khi EVFTA có hiệu lực, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ khó đáp ứng ngay các yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn cao liên quan đến môi trường, nhất là đối với các doanh nghiệp có công nghệ sản xuất kinh doanh lạc hậu.

Bên cạnh đó, bộ máy của rất nhiều doanh nghiệp nước ta hiện nay còn chưa hình thành các bộ phận về hội nhập quốc tế hay bộ phận chuyên trách về môi trường nên chưa chuẩn bị sẵn sàng về khả năng xử lý những vấn đề môi trường liên quan đến quá trình sản xuất - kinh doanh sản phẩm của mình theo đúng quy chuẩn quốc tế. Các hàng rào kỹ thuật về môi trường của doanh nghiệp Việt Nam hiện cũng chưa đầy đủ, năng lực xây dựng và áp dụng hàng rào kỹ thuật về môi trường còn hạn chế cũng như nguy cơ ô nhiễm môi trường từ hoạt động thương mại rất cao là một thách thức to lớn nếu vẫn tiếp tục không tìm ra biện pháp phù hợp để khắc phục. Trong điều kiện hiện nay, khi EVFTA có hiệu lực, các doanh nghiệp sẽ khó đáp ứng ngay các yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn cao liên quan đến môi trường, nhất là đối với các doanh nghiệp có công nghệ sản xuất kinh doanh lạc hậu.

Thứ ba, nhiều doanh nghiệp nước ta hiện nay vẫn chưa thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đặc biệt là những trách nhiệm xã hội liên quan đến môi trường theo quy chuẩn quốc tế. Rõ ràng để một doanh nghiệp tồn tại và hoạt động, phát

triển thì không chỉ dừng ở các nghĩa vụ về kinh tế, xã hội, đạo đức hay giá trị về mặt hình ảnh, mà cần đặt trách nhiệm của doanh nghiệp đót với môi trường như một trách nhiệm chủ chốt. Tuy nhiên, trong bối cảnh của nền kinh tế Việt Nam hiện tại, vẫn còn tồn tại những yếu điểm dẫn tới sự mâu thuẫn giữa lựa chọn dài hạn và lợi ích ngắn hạn, và nhiều doanh nghiệp chấp nhận đổi lợi ích dài hạn để chọn lợi ích ngắn hạn, nghĩa là chấp nhận hy sinh cả vấn đề về môi trường để vì lợi ích kinh tế. Thời gian qua, ý thức bảo vệ môi trường của nhiều doanh nghiệp tuy đã thay đổi nhưng vẫn còn hạn chế do trình độ phát triển hoặc kinh tế khó khăn.

Có thể nói, các cam kết về môi trường trong FTA thế hệ mới vừa góp phần tạo ra các cơ hội mới, thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp Việt Nam gắn liền với bảo vệ môi trường. Mặt khác, các cam kết môi trường trong FTA thế hệ mới cũng đặt ra những khó khăn và thách thức nhất định. Do đó, đòi hỏi Việt Nam cần chuẩn bị và sẵn sàng cho việc thực hiện các cam kết và nghĩa vụ về môi trường, trước mắt cần có kế hoạch hành động cụ thể và toàn diện để giải quyết những khó khăn và các thách thức nêu trên, tập trung vào một số nội dung chính như sau:

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật trong nước, phù hợp với các cam kết và nghĩa vụ về môi trường trong các FTA;

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, đảm bảo kiểm soát chặt chẽ các ngành, lĩnh vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan, tăng chế tài xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường;

- Tăng cường nguồn nhân lực và cần có cơ chế tài chính cho triển khai thực hiện hoạt động FTA, đặc biệt là kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp, chi phí cho các chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế;

- Truyền thông, nâng cao nhận thức về việc tuân thủ các cam kết và nghĩa vụ về môi trường trong các FTA cho mọi đối tượng, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp.

- Bản thân doanh nghiệp cần tự nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường; tìm hiểu, nắm bắt thông tin về các yêu cầu về môi trường và tiêu chuẩn của các quốc gia và thị trường phát

triển, chú trọng các giải pháp về quản lý, đầu tư đổi mới công nghệ để đáp ứng các tiêu chuẩn cao về môi trường; liên tục và thường xuyên cập nhật quy định pháp luật nói chung và quy định pháp luật môi trường nói riêng cũng như không ngừng cải thiện, nâng cao chất lượng và nguồn nhân lực quản lý bảo vệ môi trường của doanh nghiệp mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ThS. Mai Thị Chúc Hạnh (Khoa Luật - Trường Đại học Ngoại thương), “Tác động của cam kết về môi trường trong các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới đến doanh nghiệp Việt Nam”, *Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*, số 20, tháng 8/2020.
2. TS. Nguyễn Hải Yên, ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Hương, ThS. Hoàng Xuân Huy, “Cam kết và nghĩa vụ về môi trường trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và những khó khăn, thách thức đối với Việt Nam”, *Tạp chí Môi trường*, số 3/2017.
3. TS. Bùi Hải Thiêm, TS. Trần Thị Quang Hồng, “”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 14 (462), tháng 7/2022.
4. Hoàng Xuân Huy (2020), “Vietnam’s environmental commitments and obligations under the EU-Vietnam Free Trade Agreement”, *Tạp chí Môi trường*.
5. Dr. Đỗ Nam Thắng (2020), “Australian National University, EVFTA and environmental challenges”, *Tạp chí Môi trường số Chuyên đề Tiếng Anh*, Quý III/2020.
6. <https://nhandan.vn/tan-dung-loi-the-fta-de-xuat-khau-nong-san-post698289.html>

ĐIỀU KIỆN NÀO CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA ĐẠT CHỨNG NHẬN TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG?

ThS. Vũ Hải Việt

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp

Hiện nay, ô nhiễm môi trường đang là vấn đề mà các quốc gia trên thế giới lo ngại, đặc biệt là với sự phát triển mạnh mẽ của nhiều khu công nghiệp phục vụ cho vấn đề phát triển kinh tế (Banerjee, 2001). Vì vậy, hướng tiếp cận “tăng trưởng xanh” đang được các nước nghiên cứu và áp dụng. Nhận thức được vai trò của việc xây dựng và thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh, ngày 25/09/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh. Trong đó xác định: tăng trưởng xanh là cách thức phát triển phù hợp với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế trong giai đoạn sắp tới ở Việt Nam, phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường. Tuy nhiên, theo Chỉ số hiệu quả môi trường 2016, Việt Nam xếp thứ 131 trên 180 nước được đánh giá về khả năng bảo vệ môi trường (EPI, 2016). Đây là thứ hạng thấp so với các 50 quốc gia khác trên thế giới cũng như so với các Quốc gia Đông Nam Á.

Gấy Chứng nhận Tiêu chuẩn môi trường được nhắc đến trên nhiều phương tiện thông tin truyền thông và là điều quan tâm của nhiều doanh nghiệp. Bởi lẽ trong xu hướng toàn cầu hóa gắn liền với cuộc sống xanh thì việc bảo vệ môi trường là việc làm hết sức cần thiết. Bài viết phân tích các điều kiện để doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam đạt được chứng nhận tiêu chuẩn môi trường.

1. Giấy chứng nhận tiêu chuẩn môi trường là gì?

Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường là một loại Chứng thư có tính pháp lý được cấp bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền dành cho những cơ sở công nghiệp nhằm mục đích xác định các chỉ tiêu môi trường mà những cơ sở này phải bảo đảm đạt được trong cả quá trình hoạt động do Nhà nước đặt ra. Giấy chứng nhận về môi trường chính là bằng chứng rõ ràng nhất cho việc làm bảo vệ môi trường của mỗi doanh nghiệp. Giấy chứng nhận này giúp ngăn chặn những hậu quả xấu với môi trường do quá trình sản xuất gây ra.

2. Cơ sở pháp lý và cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận môi trường

2.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.



Căn cứ pháp lý

(Nguồn ảnh: Internet)

2.2. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận môi trường

Cơ quan có thẩm quyền cũng là nơi nộp hồ sơ để xin giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường là: Bộ Tài nguyên Môi trường và Sở Tài

nguyên và Môi trường. Đây là các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết cho doanh nghiệp việc xin chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường.

3. Đối tượng và những lĩnh vực sau đây sẽ cần có Giấy chứng nhận môi trường để đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam:

- Cơ sở thoát nước và xử lý nước thải;
- Cơ sở hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu;
- Cơ sở xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Cơ sở công nghiệp chế biến, chế tạo;
- Cơ sở dịch vụ lưu trú và ăn uống;

Các doanh nghiệp không phải là một trong những đối tượng cần giấy chứng nhận môi trường trên đây, thì cần áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001.

4. Lợi ích khi có chứng nhận đạt tiêu chuẩn về môi trường

Khi cơ sở có được giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn về môi trường cũng chính là cam kết về việc bảo vệ môi trường, sẽ có những lợi ích quan trọng sau đây:

Một là, đánh giá tiêu chuẩn môi trường giúp cho doanh nghiệp chứng minh được nghĩa vụ của mình trước pháp luật về việc bảo vệ môi trường. Giảm thiểu được những rủi ro liên quan đến pháp lý liên quan vấn đề môi trường.

Hai là, với xu hướng sản xuất xanh, có được Giấy chứng nhận này cũng giúp cho cơ sở có thêm nhiều đối tác, bạn hàng so với khi chưa có Giấy chứng nhận bảo vệ môi trường.

Ba là, bên cạnh đó, người tiêu dùng cũng đang chuyển sang xu hướng tiêu dùng xanh, nên sẽ ưu tiên những sản phẩm sản xuất ra mà vẫn bảo vệ được môi trường. Khách hàng sẽ tin



(Nguồn ảnh: Internet)



dùng sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp bạn khi chứng minh được yếu tố bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh.

5. Thủ tục và hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận môi trường

5.1. Thủ tục xin cấp chứng nhận môi trường

Để xin chứng chỉ về bảo vệ môi trường chúng ta cần trải qua trình tự 5 bước. Cụ thể:

Bước 1: Cơ sở nộp tới cơ quan quản lý Nhà nước phụ trách về bảo vệ môi trường hồ sơ xin giấy phép.

Bước 2: Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ môi trường tiếp nhận hồ sơ phải cấp giấy biên nhận cho cơ sở.

Bước 3: Cơ quan Nhà nước về môi trường tiếp nhận hồ sơ trong vòng 30 ngày sẽ yêu cầu bổ sung và điều chỉnh hồ sơ.

Bước 4: Kể từ ngày nhận được hồ sơ trong thời hạn 40 ngày, cơ quan Nhà nước về môi trường sẽ thẩm định hồ sơ và cấp cho cơ sở Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường.

Như vậy, thời hạn để trả lời hồ sơ sẽ là 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. Lưu ý: Kể từ ngày nhận được hồ sơ trong vòng 40 ngày, nếu

cơ quan Nhà nước về môi trường từ chối cấp giấy phép thì sẽ phải thông báo cho người nộp hồ sơ bằng văn bản, trong đó ghi rõ nguyên nhân.

Cơ sở phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép về môi trường biết trong trường hợp cơ sở có thay đổi chủ giấy phép.

5.2. Hồ sơ xin cấp chứng nhận môi trường

Khi đăng ký xin cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, cơ sở cần chuẩn bị đầy đủ những hồ sơ sau:

- Đơn xin cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường

- Bản kê khai về hiện trạng môi trường của cơ sở

- Một trong 2 loại sau:

- + Đối với các doanh nghiệp/cơ sở phải thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cần có quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- + Đối với cơ sở phải lập bản kê khai các hoạt động sản xuất có ảnh hưởng đến môi trường phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ môi trường.

- Giấy của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ môi trường xác nhận kiểm soát ô nhiễm cấp cho cơ sở.

* Thời hạn:

- 05 năm đối với những cơ sở không sử dụng chất độc hại và chất phóng xạ.

- 03 năm với cơ sở có sử dụng chất độc hại và chất phóng xạ theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

MỘT SỐ THÔNG TIN BỔ SUNG

Qua các nghiên cứu trên ta thấy tại các quốc gia khác nhau thì có nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến việc áp dụng các tiêu chuẩn môi trường. Điều đó được lý giải bởi nền văn hóa, pháp luật của các quốc gia có sự khác biệt. Tại Việt Nam, nhìn chung số lượng lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa chú trọng việc thực hiện các tiêu chuẩn môi trường. Những nghiên cứu về vấn đề này tại Việt Nam còn ít, chưa có nhiều công bố chi tiết. Để kiểm định mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến việc đạt các chứng nhận tiêu chuẩn môi trường tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam, tác giả lược khảo một số yếu tố chính sau đây:

Thứ nhất, có nhiều nghiên cứu cho rằng quy mô doanh nghiệp là yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai chính sách môi trường tại công ty. Trong nghiên cứu của Potoski và Prakash (2005), quy mô doanh nghiệp (đo lường thông qua số lao động) ảnh hưởng có thống kê đến việc đạt chứng nhận chất lượng ISO 14001. Tương tự, nghiên cứu của King và cộng sự (2005) cũng cho kết quả quy mô doanh nghiệp (đo lường thông qua tài sản sở hữu) có ảnh hưởng đến việc đạt chứng nhận chất lượng ISO 14001.

Thứ hai, các yếu tố liên quan đến đặc điểm của chủ doanh nghiệp/người quản lý là yếu tố có thể ảnh hưởng đến khả năng đạt được ESC. Theo King và cộng sự (2005), những công ty có người chủ là người nước ngoài thì sẽ đạt chứng nhận ISO 14001 nhiều hơn những người chủ là người bản địa. Potoski và Prakash (2005) cho

rằng trình độ học vấn có ảnh hưởng tích cực đến việc áp dụng ISO 14001. Zeng và cộng sự (2005) cho rằng nhận thức của người chủ và người quản lý về vấn đề môi trường có ảnh hưởng đến việc triển khai các tiêu chuẩn môi trường tại công ty. Tương tự, Ang và Morad (2014) cho rằng mối quan tâm của lãnh đạo đối với môi trường là yếu tố quan trọng nhất để áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001.

Thứ ba, loại hình doanh nghiệp là yếu tố có thể ảnh hưởng đến việc đạt được các chứng nhận tiêu chuẩn môi trường (Martin-Pena và cộng sự, 2014). Tại Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong ngành thực phẩm có tỷ lệ áp dụng các tiêu chuẩn môi trường cao nhất tại Việt Nam.

Thứ tư, là các yêu cầu từ pháp luật. Theo Gavronski và cộng sự (2008); Zeng và cộng sự (2005); Morrow và Rodinelli (2002) các yếu tố liên quan đến pháp luật là động lực chính để doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn môi trường.

Thứ năm, là sự cạnh tranh. Áp dụng các tiêu chuẩn môi trường có thể tăng cường tính cạnh tranh cho doanh nghiệp (Benito và Benito, 2005; Zeng và cộng sự, 2005). Do đó, sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp khác cũng là một động lực để doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn môi trường (Psomas và cộng sự, 2011).

Thứ sáu, là yêu cầu khách hàng. Đôi khi các doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn môi trường do yêu cầu từ khách hàng hoặc yêu cầu từ nhà cung cấp (Gavronski và cộng sự, 2008). Theo hai nghiên cứu được thực hiện bởi Perez-Sanchez và cộng sự (2003) về các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Anh và Lee (2009) về các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Hàn Quốc, đều khẳng định rằng sự gia tăng áp lực hoặc nhu cầu của khách hàng là động lực chính cho quản lý xanh (green management).

Thứ bảy, trình độ quản trị của doanh nghiệp. Trình độ quản trị trong doanh nghiệp càng cao, doanh nghiệp càng có khả năng áp dụng các tiêu chuẩn môi trường (Martin-Pena và cộng sự, 2014).

Từ kết quả phân tích ta thấy, các yếu tố cá nhân liên quan đến chủ doanh nghiệp/ người quản lý có ảnh hưởng đến khả năng đạt được chứng nhận tiêu chuẩn môi trường. Đầu tiên, biến giới tính ảnh hưởng (có ý nghĩa thống kê < 1%) đến việc đạt được chứng nhận tiêu chuẩn ESC của doanh nghiệp. Cụ thể, doanh nghiệp/ người quản lý là nữ có xu hướng đạt chứng nhận tiêu chuẩn môi trường ESC cao hơn nam giới (beta âm). Kết quả trên có thể được giải thích là do nữ giới có xu hướng chịu đựng rủi ro ít hơn nam giới (Charness và Gneezy, 2012). Đạt được các chứng nhận tiêu chuẩn môi trường là một cách để giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp (giảm tiền phạt và tăng cường khả năng cạnh tranh cho sản phẩm). Tiếp theo, biến D_TOC có ý nghĩa thống kê dưới 1%. Điều này cho thấy, chủ doanh nghiệp/người quản lý là người Kinh thì khả năng đạt được chứng nhận ESC thấp hơn chủ doanh nghiệp/người quản lý là người dân tộc khác. Biến TĐ_TC và TĐ_DH đều có ý nghĩa thống kê dưới 5% cả ba mô hình. Điều này cho thấy trình độ học vấn của chủ doanh nghiệp/ người quản lý có ảnh hưởng đến khả năng đạt được các chứng nhận tiêu chuẩn môi trường. Khi chủ doanh nghiệp/người quản lý có trình độ học vấn cao hơn thì khả năng đánh giá về lợi ích và chi phí trong việc áp dụng các tiêu chuẩn môi trường tốt hơn, khả năng triển khai các tiêu chuẩn và xin giấy chứng nhận cũng tốt hơn. Do đó, khi trình độ học vấn của chủ doanh nghiệp/ người quản lý càng cao thì khả năng đạt được chứng nhận ESC càng cao.

Tiếp theo, biến Q_MO_DN cũng ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê dưới 1% đến biến Esc với beta dương cả ba mô hình. Điều này cho thấy doanh nghiệp có quy mô càng lớn, khả năng đạt được chứng nhận Esc càng cao. Doanh nghiệp càng lớn nguồn lực của doanh nghiệp càng nhiều. Khi nguồn lực dồi dào doanh nghiệp có thể vượt qua các rào cản về tài chính và thủ tục trong việc đạt được các chứng nhận về môi trường. Trình độ quản trị (Q_TRI) và công đoàn (C_ĐOAN) đều có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc với mức

ý nghĩa 1%. Doanh nghiệp có trình độ quản trị càng cao thì doanh nghiệp càng có khả năng đạt chứng nhận tiêu chuẩn môi trường. Đối với các doanh nghiệp có áp dụng một hệ thống quản lý chất lượng thì chính hệ thống quản lý chất lượng này sẽ ràng buộc cải thiện môi trường làm việc cho người lao động vì đây là tiền đề để nâng cao chất lượng trong sản xuất. Đồng thời, ở các doanh nghiệp có áp dụng một hệ thống quản lý chất lượng thì người lãnh đạo thường có một tầm nhìn tốt, từ đó họ cũng nhận thấy được sự cần thiết của việc đạt chứng nhận tiêu chuẩn môi trường. Công đoàn là tổ chức đại diện cho người lao động, yêu cầu doanh nghiệp phải đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, không ô nhiễm. Chính vì vậy, các doanh nghiệp có tổ chức công đoàn sẽ có khả năng hơn trong việc đạt được các chứng nhận tiêu chuẩn môi trường. Cuối cùng, hiểu biết về luật môi trường của chủ doanh nghiệp/nhà quản lý càng nhiều thì doanh nghiệp càng có khả năng đạt được chứng nhận Esc. Khi hiểu biết luật môi trường, chủ doanh nghiệp sẽ biết cách giúp doanh nghiệp không vi phạm luật và triển khai các tiêu chuẩn môi trường và xin cấp Giấy chứng nhận là một trong những cách giúp doanh nghiệp tuân thủ luật pháp về môi trường. Cũng từ kết quả nghiên cứu có ba yếu tố không ảnh hưởng đến khả năng áp dụng chứng nhận môi trường gồm: loại hình doanh nghiệp, sự cạnh tranh, yêu cầu của khách hàng. Loại hình doanh nghiệp không ảnh hưởng đến biến phụ thuộc có thể được giải thích là do việc phân chia loại hình doanh nghiệp theo cách tổ chức hoạt động (doanh nghiệp tư nhân, cổ phần hay hợp tác xã) sẽ không thấy được sự khác biệt trong khả năng đạt được chứng nhận tiêu chuẩn môi trường. Sự khác biệt có thể đến từ sự khác biệt trong sản phẩm doanh nghiệp sản. Sự cạnh tranh và yêu cầu của khách hàng không ảnh hưởng đến biến phụ thuộc có thể giải thích là do sự cạnh tranh và yêu cầu của khách hàng không phải là những yếu tố quan trọng trong việc giải thích cho khả năng đạt được chứng nhận tiêu chuẩn môi trường của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam./.

CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA ĐÓNG VAI TRÒ QUAN TRỌNG TRONG THỰC THI LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2022

TS.NCVC. Trần Văn Duy

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

ThS. Giảng viên Nguyễn Thị Thuý Hằng

Trường Cán bộ quản lý giao thông vận tải

1. Tầm quan trọng của Cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thực thi Luật Bảo vệ môi trường năm 2022

Doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, có hiệu lực từ ngày 1/1/2022, đã xác định cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa là nhân tố đóng vai trò hết sức quan trọng trong bảo vệ môi trường. Luật đã có nhiều quy định mới, thay đổi phương thức quản lý môi trường đối với dự án đầu tư theo các tiêu chí môi trường, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, góp phần giảm chi phí tuân thủ của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Việc thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa mà còn giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao khả năng cạnh tranh, thâm nhập thị trường quốc tế và đảm bảo phát triển bền vững. Chính vì vậy, phát huy được vai trò của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong công tác bảo vệ môi trường chính là giải pháp then chốt nhằm giải quyết các áp lực về môi trường hiện nay. Luật đã quy định rõ hơn so với Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 về các yêu cầu đối với Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trong quá trình chuẩn bị, triển khai các dự án đầu tư. ĐTM không chỉ đưa ra các phân tích, dự báo tác động môi trường của dự án mà còn có vai trò xác định sự cố môi trường để đưa ra các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường. Điều này giúp cho các nhà đầu tư có thể

phòng ngừa và giảm thiểu các sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình thực hiện dự án. Việc sử dụng thống nhất một loại Giấy phép môi trường được đánh giá tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư khi triển khai thực hiện dự án và giảm các chi phí trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Việc này cũng giúp cho quá trình quản lý nhà nước về môi trường được thống nhất và chặt chẽ.

Chính vì vậy, bảo vệ môi trường không phải là đi ngược lại với việc giảm lợi nhuận doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc tăng giá thành sản phẩm. Hai lĩnh vực này không phải lúc nào cũng đối kháng nhau, mà nhiều lúc còn hỗ trợ cho nhau. Các sản phẩm đạt chứng nhận môi trường, mặc dù có thể có giá thành cao hơn các sản phẩm cùng loại, nhưng vẫn được người dân ưa thích sử dụng do họ có ý thức cao đối với việc bảo vệ môi trường. Mặc dù mục đích cuối cùng của doanh nghiệp nhỏ và vừa là lợi nhuận, nhưng các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần quan tâm hơn nữa và có sự đầu tư thích hợp tới các khía cạnh về môi trường để có thể phát triển một cách bền vững. Phát huy được vai trò của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong công tác bảo vệ môi trường chính là giải pháp then chốt nhằm giải quyết các áp lực về môi trường hiện nay.

2. Một số thành tựu và hạn chế trong thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa

Thứ nhất, công tác bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn được các



Ảnh minh họa: Tạp chí điện tử Tài chính

CQNN đặc biệt quan tâm. Chi ngân sách đầu tư nhiều công trình, dự án bảo vệ môi trường ở các khu sản xuất tập trung. Nhờ vậy, một số nơi không còn điểm “nóng”, điểm “đen” về môi trường. Tuy nhiên, để tiếp tục cải thiện môi trường ở các khu, cụm công nghiệp thì còn nhiều việc phải làm. Vi phạm phổ biến là xả chất thải vượt tiêu chuẩn ra môi trường, chôn lấp chất thải, khai thác khoáng sản trái phép...

Thứ hai, càng phát triển sản xuất công nghiệp, càng phải quan tâm công tác bảo vệ môi trường. Việc tuân thủ trách nhiệm với môi trường, xã hội không chỉ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa giảm rủi ro về mặt pháp lý, tài chính để hướng tới phát triển bền vững mà còn góp phần tạo dựng giá trị về mặt hình ảnh, uy tín cho chính DN. Từ giá trị này, DN có cơ hội phát triển thị trường, mở rộng nhà máy, đây mới là lợi ích lớn và lâu dài, vài năm gần đây công ty được nhận nhiều chứng chỉ “xanh” trong nước và quốc tế liên quan đến môi trường. Điều này không phải ngẫu nhiên mà cả một quá trình, quá trình đó xuất phát từ tư duy muốn xây dựng môi trường

làm việc tốt cho công nhân và sản phẩm tốt cho cộng đồng.

Khá nhiều DN quan tâm đến vấn đề tái chế chất thải rắn. Không chỉ yêu cầu tái chế theo tỷ lệ mà pháp luật môi trường quy định, nhiều đơn vị đặt vấn đề tái chế 80-100% chất thải không nguy hại. Điều này không chỉ giúp DN xử lý triệt để chất thải với chi phí thấp mà còn là điều kiện để đạt được các chứng chỉ “xanh” về môi trường, sản phẩm. Không chỉ doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất mà đối tác của họ từ châu Âu, châu Mỹ đến xem tái chế chất thải. Đây là một trong những điều kiện để họ hợp tác làm ăn.

Thứ ba, đa số DN trong nước quy mô vừa và nhỏ, tiềm lực tài chính và công nghệ thấp, khó thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường nên tìm cách né trách nhiệm. Pháp luật về môi trường còn nhiều nội dung gây khó khăn cho DN lẫn cơ quan quản lý, giám sát. Nhiều vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường chưa được phát hiện, xử lý kịp thời dẫn đến DN còn vi phạm; mức xử phạt vi phạm chưa đủ sức răn đe, có trường hợp đóng tiền xử phạt thấp hơn chi phí để xử lý, khắc phục môi trường.

Thứ tư, đã đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách mới của Luật BVMT năm 2020, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn đến người lao động; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ người lao động làm công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và các lĩnh vực có liên quan nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân trong tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân chủ động nghiên cứu luật và các văn bản hướng dẫn để bảo đảm thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về BVMT qua đó thể hiện được vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác BVMT.

3. Điểm mới của Luật Bảo vệ môi trường năm 2022 trong việc quy định vai trò đối với cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bảo vệ môi trường

Luật Bảo vệ môi trường 2020 có nhiều điểm mới với DN nhưng triết lý xuyên suốt là tiết kiệm tối đa đầu vào, tận dụng sản phẩm thải bỏ để tái sinh, hướng tới sự phát triển bền vững. Hầu hết các DN đều có ý thức tốt về tuân thủ pháp luật về

môi trường, vì hơn ai hết làm đúng thì DN được bảo vệ, môi trường sản xuất được bảo vệ và cũng góp phần phát triển kinh tế đất nước.

Thứ nhất, doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường. Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) 2020 bắt đầu được thực thi với nhiều điểm mới mang tính đột phá, đề cao vai trò người dân, doanh nghiệp là vị trí trung tâm đối với hoạt động bảo vệ môi trường. Luật BVMT năm 2020 thể hiện xuyên suốt quan điểm BVMT phải lấy bảo vệ sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu, bảo đảm mọi người dân đều có quyền được sống trong môi trường trong lành; bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất, khắc phục được sự phân tán, tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho việc định hình chuyển đổi các mô hình kinh tế theo hướng bền vững; tạo cơ sở pháp lý thực hiện các cam kết quốc tế, trách nhiệm được quy định trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Thứ hai, cộng đồng dân cư được xác định là một chủ thể trong công tác BVMT, thông qua các quy định về tăng cường công khai thông tin về môi trường, tham vấn trong thực hiện đầu tư



Nguồn: Báo Tài nguyên & Môi trường

mới, cấp giấy phép môi trường (GPMT)... Các quy định này nhằm phát huy vai trò giám sát, phản biện, đồng thời bảo đảm quyền và lợi ích của cộng đồng dân cư khi tham gia các hoạt động BVMT. Điểm mới so với trước đây là các dự án đầu tư được phân loại theo tiêu chí về môi trường để từ đó áp dụng các công cụ quản lý môi trường khác nhau theo mức độ tác động đến môi trường. Theo đó, dự án có tác động lớn đến môi trường sẽ được kiểm soát chặt chẽ, áp dụng đầy đủ các công cụ môi trường để sàng lọc và quản lý; hậu kiểm đối với các dự án thân thiện với môi trường, ít có tác động xấu đến môi trường.

Thứ ba, Luật BVMT năm 2020 cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính (TTHC) thông qua việc tích hợp toàn bộ các giấy phép, giấy xác nhận về môi trường vào 1 GPMT và bãi bỏ các giấy phép có liên quan, qua đó giảm chi phí cho cả doanh nghiệp nhỏ và vừa hạn chế được chi phí thủ tục và cơ quan quản lý, đồng thời vẫn bảo đảm kiểm soát được các tác động môi trường từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Thứ tư, cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bảo vệ môi trường được hỗ trợ tài chính trong công tác BVMT khi tiến hành sản xuất kinh doanh. Điểm mới mang tính đột phá của Luật BVMT năm 2020 là thúc đẩy hoạt động giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải; thúc đẩy việc sản xuất, sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường thông qua các quy định về: giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa, phòng, chống ô nhiễm rác thải nhựa đại dương; nhân sinh thái Việt Nam; mua sắm công xanh; ưu đãi, hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường.

4. Một số điều kiện để Cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện đóng vai trò quan trọng trong thực thi Luật Bảo vệ môi trường năm 2022

Thứ nhất, về chính sách hỗ trợ thực hiện BVMT. Cần triển khai thực hiện phân loại doanh nghiệp nhỏ và vừa theo mức độ ô nhiễm.

Cơ quan chức năng tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 343/QĐ-TTg (ngày 12/3/2021) về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường; kiểm soát chặt chẽ việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về môi trường; tăng cường công tác hậu kiểm; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện luật.

Việc đánh giá, phân loại và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường doanh nghiệp nhỏ và vừa theo mức độ ô nhiễm môi trường được thực hiện định kỳ 02 năm/lần. Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện có trách nhiệm công bố trên phương tiện thông tin, truyền thông danh mục doanh nghiệp nhỏ và vừa được đánh giá, phân loại theo mức độ ô nhiễm môi trường. Đồng thời, đa dạng biện pháp quản lý đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Thứ hai, ban hành hành lang pháp lý về chính sách ưu đãi cho công tác bảo vệ môi trường đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa được công nhận. Các cơ sở sản xuất thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển được ưu tiên các chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường doanh nghiệp nhỏ và vừa. UBND khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng một phần hoặc toàn bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư, tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường doanh nghiệp nhỏ và vừa được hưởng các chế độ ưu đãi về đầu tư và các ưu đãi khác theo quy định của UBND Thành phố/ tỉnh và pháp luật hiện hành. Trường hợp phải di dời vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc khu chăn nuôi, khu sản xuất tập trung bên ngoài khu dân cư, được xem xét hỗ trợ tiền thuê đất theo mức miễn, giảm theo quy định.

Thứ ba, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách mới của Luật BVMT năm 2020, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn đến nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ và người lao động làm công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và các lĩnh vực có liên quan nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân trong tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thứ tư, các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân cần chủ động nghiên cứu luật và các văn bản hướng dẫn để bảo đảm thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về BVMT qua đó thể hiện được vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác BVMT. Vì người dân, doanh nghiệp có vai trò, vị trí trung tâm đối với công tác bảo vệ môi trường. Tích cực, chủ động và tham gia có trách nhiệm vào công tác BVMT chính là bảo đảm sức khỏe, chất lượng sống của chính mình và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

CAM KẾT VỀ MÔI TRƯỜNG BẮT BUỘC THỰC HIỆN TRONG HIỆP ĐỊNH CPTPP, HIỆP ĐỊNH EVFTA VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VIỆT NAM¹

Bùi Huyền

Bộ Tư pháp

1. Cam kết về môi trường bắt buộc thực hiện trong Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA

Ngày 12/11/2018, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 72/2018/QH14 phê chuẩn Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); ngày 8/6/2020 Quốc hội ban hành Nghị quyết số 102/2020/QH14 phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA). Khác với những hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ cũ mà Việt Nam đã tham gia, các FTA thế hệ mới như Hiệp định CPTPP hay Hiệp định EVFTA có phạm vi rộng hơn, nội dung vượt ra ngoài cam kết về đầu tư, thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ. Ngoài các cam kết liên quan đến thương mại, nội dung của những hiệp định thương mại tự do này bao gồm cả các nghĩa vụ mang tính pháp lý cho các lĩnh vực phi thương mại liên quan như môi trường, lao động, sở hữu trí tuệ và mua sắm Chính phủ,... Nội dung về môi trường hay phát triển bền vững được đưa vào các FTA thế hệ mới với các mức độ cam kết hay ràng buộc khác nhau.

Trong đó, các yêu cầu về bảo vệ môi trường được hai Hiệp định CPTPP và EVFTA cam kết ở mức cao với các mục tiêu: Thúc đẩy chính sách hỗ trợ lẫn nhau trong thương mại và môi trường; đẩy mạnh thực thi pháp luật về môi trường và các điều ước quốc tế đa phương về môi trường;



(Nguồn ảnh: Internet)

bảo đảm sự tăng trưởng về thương mại và đầu tư không ảnh hưởng đến chi phí bảo vệ môi trường; nâng cao năng lực của các bên trong giải quyết các vấn đề môi trường liên quan đến thương mại. Hai Hiệp định đều dành một chương riêng quy định về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững (từ Điều 20.1 đến Điều 20.23 Chương 20 về Môi trường của Hiệp định CPTPP; từ Điều 13.1 đến Điều 13.17 Chương 13 về Thương mại và Phát triển bền vững của Hiệp định EVFTA). Theo đó, các cam kết và nghĩa vụ về môi trường của hai Hiệp định được chia làm 05 nhóm: (i) Chính sách và các quy định của pháp luật môi trường trong nước; (ii) Cam kết quốc tế về môi trường; (iii) Công khai, minh bạch; (iv) Nghĩa vụ đối với một số lĩnh vực cụ thể về môi trường; (v) Cơ chế tham vấn, giải quyết tranh chấp.

¹ Bài viết sử dụng bản tiếng Việt Hiệp định CPTPP tại trang http://cptpp.moit.gov.vn/?page=overview&category_id=368aeb47-fbbe-4324-bc57-2ecabf61b78a, Hiệp định EVFTA tại trang <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/8445-van-kien-hiep-dinh-evfta-evipa-va-cac-tom-tat-tung-chuong>, truy cập ngày 20/9/2022.



(Nguồn ảnh: Internet)

Những nội dung cam kết tập trung vào các vấn đề toàn cầu hiện nay, như biến đổi khí hậu, bảo vệ tầng ô-zôn, bảo tồn đa dạng sinh học, chống khai thác vận chuyển và buôn bán trái phép động thực vật hoang dã xuyên biên giới, quản lý lâm nghiệp và thủy sản bền vững... hai Hiệp định này cũng đặt ra các định hướng về mức độ bảo vệ môi trường và mối quan hệ với các mục tiêu thương mại - đầu tư. Một số cam kết về môi trường trong hai Hiệp định cụ thể như sau:

- Cam kết bảo vệ môi trường ở mức độ cao: Khoản 3 Điều 20.3 Hiệp định CPTPP và khoản 2 Điều 13.2 Hiệp định EVFTA quy định mỗi bên phải nỗ lực để bảo đảm pháp luật bảo vệ môi trường quy định, đồng thời khuyến khích BVMT ở mức độ cao và tiếp tục tăng cường bảo vệ môi trường. Đây là cam kết có tính chất bắt buộc nhưng nội dung ở các điều nêu trên lại dùng cụm từ “khuyến khích”, “cố gắng”. Ngoài ra, hai Hiệp định còn cho phép các bên tự thiết lập chính sách và thực thi quy định về bảo vệ

môi trường. Có thể nói, đây chính là cơ sở để quy định các nội dung có tính chất bắt buộc ở các điều khoản khác và để nhà đầu tư có thể bảo vệ quyền lợi của mình bằng cách khởi kiện khi nhận thấy nước sở tại chưa bảo đảm sự cân bằng chi phí bảo vệ môi trường trong sản xuất hàng hóa giữa các nước thành viên. Đặc biệt, cả hai Hiệp định đều không cho phép các bên giảm nhẹ hiệu lực pháp lý hoặc miễn trừ các quy định luật pháp về môi trường làm ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa các bên (khoản 4 Điều 20.3 và khoản 6 Điều 20.3 Hiệp định CPTPP và khoản 2, 3, 4 Điều 13.3 Hiệp định EVFTA).

- Kiểm soát chất gây suy giảm tầng Ô-zôn và thúc đẩy thị trường các bon: Khoản 20.5.1 Hiệp định CPTPP yêu cầu các bên phải thực hiện biện pháp kiểm soát việc sản xuất, tiêu thụ và mua bán những chất làm suy giảm hoặc biến đổi tầng ô zôn. Để thực hiện quy định này, các bên cần duy trì biện pháp hoặc biện pháp được liệt kê tại Phụ lục 20-A Hiệp định CPTPP hoặc/và thực thi nghĩa vụ của mình trong khuôn khổ Nghị định

thur Montreal hoặc bất kỳ biện pháp nào tương đương hoặc cao hơn. Hiệp định EVFTA cũng yêu cầu các bên thực hiện điều ước đa phương liên quan đến biến đổi khí hậu, Hiệp định Paris và tích cực hợp tác để thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế ít phát thải, thích ứng với khí hậu, phù hợp với Hiệp định Paris (khoản 1 Điều 13.6 Hiệp định EVFTA). Các bên phải tham vấn, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong các lĩnh vực ưu tiên hoặc lĩnh vực hai bên cùng quan tâm, bao gồm: các bài học, thông lệ tốt nhất trong việc xây dựng, thực thi và vận hành các cơ chế định giá các bon; thúc đẩy thị trường các bon trong nước, quốc tế thông qua các cơ chế như Chương trình mua bán khí thải và Giảm phát thải từ phá rừng, suy thoái rừng; tăng cường tiết kiệm năng lượng, công nghệ khí thải thấp và năng lượng tái tạo (khoản 2 Điều 13.6 Hiệp định EVFTA).

- Bảo vệ môi trường biển khỏi ô nhiễm từ tàu biển: Khoản 1 Điều 20.6 Hiệp định CPTPP quy định mỗi bên phải thực hiện các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ tàu biển. Hiệp định cũng xác định các bên phải hoàn thành nghĩa vụ bắt buộc này nếu duy trì biện pháp hoặc các biện pháp được liệt kê tại Phụ lục 20-B, thực thi nghĩa vụ trong khuôn khổ Công ước Marpol hoặc bất kỳ biện pháp nào sau đó tương đương hoặc cao hơn.

- Bảo vệ đa dạng sinh học: Hai Hiệp định đều yêu cầu bảo vệ đa dạng sinh học ở mức độ cao. Theo đó, mỗi bên phải thúc đẩy, khuyến khích việc bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học (khoản 2 Điều 20.13 Hiệp định CPTPP). Mỗi bên sẽ công khai các chương trình, hành động, bao gồm cả những chương trình hợp tác liên quan đến việc bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học (khoản 5 Điều 20.13).

Khoản 2 Điều 13.17 Hiệp định EVFTA quy định các bên sẽ nỗ lực tạo điều kiện cho việc tiếp cận nguồn gen với mục đích đúng đắn và sẽ không áp dụng các hạn chế đi ngược lại với mục

tiêu của Công ước về đa dạng sinh học (CBD). Các bên sẽ khuyến khích việc sử dụng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học, trong đó có việc tiếp cận nguồn gen, chia sẻ công bằng, hợp lý các lợi ích phát sinh từ việc sử dụng chúng; thông qua và thực thi các biện pháp hiệu quả, phù hợp với các cam kết của các hiệp ước quốc tế mà các bên tham gia, hướng tới giảm thiểu việc buôn bán trái phép các loài động vật hoang dã.

- Chuyển đổi sang nền kinh tế ít phát thải và mau phục hồi: Chuyển đổi sang nền kinh tế ít phát thải và mau phục hồi (khoản 2 Điều 20.15 Hiệp định CPTPP) là cam kết mang tính bắt buộc nhưng chỉ dừng lại ở mức yêu cầu các bên hợp tác và nỗ lực thực hiện việc chuyển đổi sang nền kinh tế ít phát thải, mau phục hồi.

- Cơ chế tự nguyện nhằm nâng cao biểu hiện bảo vệ môi trường (khoản 2 Điều 20.11 Hiệp định CPTPP): Đây là nội dung bắt buộc thực hiện nhưng cũng chỉ dừng lại ở mức độ khuyến khích các bên sử dụng các cơ chế linh hoạt và tự nguyện để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường; sự tham gia của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ liên quan... vào việc xây dựng các tiêu chí sử dụng để đánh giá hoạt động bảo vệ môi trường theo cơ chế tự nguyện.

Để thực hiện hai Hiệp định và các Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ thực hiện hai Hiệp định, ngày 18/8/2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phê duyệt Quyết định số 1813/QĐ-BTNMT ban hành Kế hoạch thực hiện CPTPP và EVFTA, trong đó chú trọng triển khai các cam kết mang tính bắt buộc thực hiện.

2. Tác động của cam kết về môi trường trong Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA đến doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam

Các cam kết về môi trường trong các FTA thế hệ mới đã, đang và sẽ có những tác động mạnh mẽ tới hệ thống pháp luật môi trường của Việt Nam, tác động đến thể chế, nền kinh

tế và nhiều chủ thể có liên quan². Một trong số những chủ thể chịu tác động nhiều nhất là doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.1. Cơ hội

Các cam kết môi trường trong Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA sẽ mang lại cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam những cơ hội cụ thể như sau:

Một là, góp phần thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam quản lý tốt nhất, hiệu quả nhất các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường bền vững.

Hai là, doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ có động lực hơn trong việc cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các cam kết trong Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA, cũng như tăng cường thực hiện các trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực môi trường.

Ba là, mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng hợp tác, hỗ trợ để cùng nhau xây dựng nền kinh tế phát thải thấp và mau phục hồi với các lĩnh vực hợp tác đa dạng như sử dụng hiệu quả năng lượng; phát triển công nghệ với chi phí thấp và ít phát thải, các nguồn năng lượng sạch và có thể tái tạo; giao thông vận tải và sự phát triển bền vững cơ sở hạ tầng đô thị; giải quyết việc phá rừng và suy thoái rừng; giám sát chất thải; cơ chế thị trường và phi thị trường; phát triển ít phát thải, mau phục hồi và chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong các lĩnh vực này.

Bốn là, các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội học hỏi những kinh nghiệm trong việc giải quyết các tranh chấp môi trường, hạn chế và giải quyết các bất lợi về môi trường trong quá trình tham gia các giao dịch thương mại hàng

hóa trong khuôn khổ Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA.

2.2. Thách thức

Mặc dù, các cam kết môi trường trong Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA mang lại cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam những cơ hội phát triển, tuy nhiên, các cam kết này cũng sẽ tạo ra những thách thức chung đối với cộng đồng doanh nghiệp. Bởi vì, hiện nay, quá trình phát triển, sản xuất kinh doanh phụ thuộc nhiều vào nền kinh tế nâu, tức là sử dụng phần lớn nguyên liệu từ thiên nhiên; chưa đầu tư nguồn lực xứng đáng và lúng túng trong bảo vệ môi trường; chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường chưa hoàn thiện dẫn đến quá trình đầu tư của doanh nghiệp chưa hiệu quả, tính rủi ro cao; chưa chọn lựa mô hình tăng trưởng có tính bền vững và thân thiện môi trường. Do đó, vấn đề đặt ra cốt lõi là làm thế nào vừa quản lý tốt nhất, hiệu quả nhất các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn liền với bảo vệ môi trường bền vững. Là thành viên của Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA, doanh nghiệp nhỏ và vừa muốn phát triển thị trường, muốn xuất khẩu hàng hóa sẽ phải chấp nhận việc tuân thủ các quy định về phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường. Các sản phẩm hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam khi vi phạm sẽ bị kiện ra các cơ quan tài phán quốc tế. Bên cạnh đó, Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA là các FTA thế hệ mới nên có yêu cầu, đòi hỏi cao hơn so với các FTA truyền thống về sự minh bạch trong việc tuân thủ và thực hiện vấn đề công bố thông tin công khai minh bạch về chất thải; giải pháp bảo vệ môi trường; cơ quan đầu mối/cá nhân chuyên trách về môi trường tại các tổ chức, doanh nghiệp... Bên cạnh những thách thức nêu trên, doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam sẽ phải đối diện với khó khăn, thách thức cụ thể như sau³:

² Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), “Hội nhập quốc tế về môi trường trong các FTA”, xem tại <http://www.monre.gov.vn/Pages/hoi-nhap-quoc-te-ve-moi-truong-trong-cac-fta.aspx?cm=H%E1%BB%99i%20nh%E1%BA%ADp%20qu%E1%BB%91c%20t%E1%BA%BF>, truy cập ngày 20/9/2022.

³ <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/tac-dong-cua-cam-ket-ve-moi-truong-trong-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-fta-the-he-moi-den-doanh-nghiep-viet-nam-74969.htm>, truy cập ngày 20/9/2022.

Một là, doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam sẽ đối diện với thách thức về việc nắm bắt và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình Việt Nam hoàn thiện thể chế bảo đảm thực thi nghĩa vụ theo cam kết tại Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA. Trong hai Hiệp định này có một số thiết chế phải thiết lập trên thực tế đã được quy định cứng (về mô hình, chức năng, lộ trình,...) bắt buộc phải triển khai trong quá trình thực thi. Trong điều kiện cụ thể về nhân lực, vật lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay, những yêu cầu này không dễ dàng thực hiện. Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA là những FTA thế hệ mới, nên bên cạnh những cam kết thương mại truyền thống, còn có những cam kết liên quan đến các lĩnh vực phi thương mại khác phải thực hiện ngay khi FTA có hiệu lực hoặc trong một thời hạn rất ngắn sau đó. Điều này đặt ra những thách thức không chỉ về năng lực mà cả về nguồn lực thực thi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong tình hình hiện nay, cùng với tác động của đại dịch Covid-19, doanh nghiệp khó có thể đáp ứng ngay các yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn cao liên quan đến môi trường, đặc biệt đối với những doanh nghiệp nhỏ và vừa có công nghệ sản xuất, kinh doanh lạc hậu. Cùng với đó, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa thiếu thông tin hoặc không nắm được thông tin chính xác và kịp thời về các tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu và điều kiện liên quan đến môi trường của các nước có nền

kinh tế phát triển (như EU...), do vậy, sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh. Bên cạnh đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam sẽ phải cập nhật thường xuyên các quy định pháp luật nói chung và pháp luật môi trường nói riêng để kịp thời thực thi trong thực tiễn.

Hai là, thực tế hiện nay nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa hình thành các bộ phận về hội nhập quốc tế nên chưa chuẩn bị sẵn sàng về khả năng xử lý những vấn đề môi trường liên quan đến quá trình sản xuất - kinh doanh sản phẩm của mình. Nhiều doanh nghiệp chưa sẵn sàng để vượt qua các hàng rào kỹ thuật về môi trường, do đó, thách thức từ sức ép cạnh tranh sẽ ngày càng gia tăng đối với nền kinh tế và các sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa khi phân phối trên thị trường.

Ba là, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn chưa thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đặc biệt là trách nhiệm xã hội liên quan đến môi trường, càng chưa hướng tới đạt được một chứng chỉ quốc tế hoặc áp dụng những bộ Quy tắc ứng xử, do đó, nguy cơ các doanh nghiệp nhỏ và vừa không tồn tại được là rất cao.

Bốn là, doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ phải đối mặt với những thách thức trong các tranh chấp môi trường trong quá trình tham gia các giao dịch thương mại hàng hóa trong khuôn khổ Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA.

CAM KẾT MẠNH MẼ TẠI COP26 VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM - NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ QUAN TÂM

Luật sư Mai Bích Ngân

Công ty Luật TNHH An Trí Việt - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

1. Cam kết mạnh mẽ tại COP26

Khi nói đến Hội nghị Thượng đỉnh về biến đổi khí hậu COP26 diễn ra tại Glasgow, Scotland, Vương quốc Anh vào tháng 11/2021 là nói đến những cam kết rất mạnh mẽ và mang tính lịch sử của 25.000 đại biểu đến từ 200 quốc gia về các vấn đề liên quan đến việc khắc phục và ngăn chặn những mối hiểm họa từ biến đổi khí hậu.

Vào ngày 13/11/2021, 197 quốc gia tham gia đã đồng ý một thỏa thuận mới được gọi là Hiệp ước Khí hậu Glasgow nhằm ngăn chặn hiểm họa biến đổi khí hậu. Thỏa thuận cuối cùng đã đề cập đến than đá - là nguyên liệu gây tác động lớn nhất vào biến đổi khí hậu. Các thỏa thuận COP trước đây hoàn toàn chưa đề cập đến than, dầu, khí đốt hoặc thậm chí nhiên liệu hóa thạch nói chung - và đây là các tác nhân chính gây ra biến đổi khí hậu. Hơn 140 quốc gia cam kết đạt mức phát thải ròng bằng không, trong đó có Việt Nam; có hơn 100 quốc gia, trong đó có Brasil đã cam kết đẩy lùi nạn phá rừng vào năm 2030; hơn 40 quốc gia cam kết loại bỏ than đá; riêng Ấn Độ hứa sẽ rút một nửa nhu cầu năng lượng từ các nguồn tái tạo vào năm 2030.

Trong bối cảnh Hội nghị COP26, Việt Nam đã đưa ra những cam kết mang tính lịch sử và đầy ấn tượng:

Thứ nhất, cam kết đưa mức phát thải ròng về “0” vào giữa thế kỷ (phát thải ròng có nghĩa là chúng ta không thêm lượng khí thải mới vào bầu khí quyển. Phát thải sẽ tiếp tục nhưng sẽ được cân bằng bằng cách hấp thụ một lượng tương đương từ khí quyển)

Tại COP26, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã khẳng định: “Việt Nam là một nước có lợi thế về năng lượng tái tạo sẽ xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải KNK mạnh mẽ bằng nguồn lực của chính mình cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, nhất là các nước đang phát triển kể cả tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó, thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Pa-ri, để đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050”.

Thứ hai, cam kết giảm phát thải khí methane toàn cầu vào năm 2030 so với năm 2010. Methane là một loại khí nhà kính mạnh tồn tại trong khí quyển khoảng một thập kỷ - thời gian tồn tại ngắn hơn nhiều so với carbon dioxide (CO₂).

Thứ ba, tham gia tuyên bố Glasgow của các nhà lãnh đạo về rừng và sử dụng đất.

Thứ tư, tham gia tuyên bố toàn cầu về chuyển đổi điện than sang năng lượng sạch.

Trong khuôn khổ Hội nghị Thượng đỉnh COP26, các đối tác phát triển quốc tế đã thể hiện mong muốn và cam kết sẽ đồng hành với Việt Nam trong quá trình triển khai thực hiện các cam kết khí hậu sau Hội nghị. Đồng thời, tận dụng sự dịch chuyển của nguồn tài chính toàn cầu cho phát triển ít phát thải vào Việt Nam.

2. Kế hoạch hành động của Chính phủ Việt Nam

Kế hoạch hành động của Chính phủ Việt Nam được thể hiện trên nhiều phương diện:

Một là, hợp tác toàn diện để đồng hành trong nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu

Trong chuyến viếng thăm Hoa Kỳ cùng Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vào tháng 5/2022, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng Hà đã làm việc trực tuyến với Chủ tịch COP26 Alok Sharma để thảo luận về hợp tác trong ứng phó với biến đổi khí hậu thực hiện cam kết tại COP26 và hướng tới COP27. Bộ trưởng Trần Hồng Hà cũng họp song phương với Phó Chủ tịch cấp cao của Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) Stephanie von Friedegurg và hai bên đã ký kết Bản ghi nhớ (MOU) với nội dung chính: IFC hợp tác, hỗ trợ xây dựng và triển khai khung chính sách và quy định liên quan để tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia kinh tế tuần hoàn... Ngoài ra, Bộ trưởng Trần Hồng Hà và bà Julie Monaco, Lãnh đạo cấp cao phụ trách toàn cầu khu vực công mại ngân hàng, thị trường vốn và tư vấn đầu tư của Citibank đã cùng ký kết và trao đổi Bản ghi nhớ hợp tác giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ngân hàng Citibank nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ kỹ thuật, nhằm đẩy nhanh hơn nữa việc hình thành các cơ chế và chính sách hỗ trợ phát triển phát thải thấp nhằm đạt mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

Bộ trưởng Trần Hồng Hà cũng làm việc với ông Rodney Ferguson Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành Winrock International để trao đổi tình hình hợp tác vừa qua trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; thúc đẩy hợp tác đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính của các doanh nghiệp, cơ sở phát thải tại Việt Nam; hỗ trợ thành lập, vận hành thị trường carbon trong nước; chuyển đổi năng lượng hướng tới đạt mục tiêu phát thải ròng vào năm 2050; nâng cao nhận thức cộng đồng về giảm thiểu chất thải nhựa; hỗ trợ các hoạt động tái chế chất thải nhựa; đổi mới kỹ thuật, công nghệ và giải pháp tái chế nhựa; triển khai các mô hình kinh tế phù hợp với tự nhiên hướng tới kinh tế tuần hoàn, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học; hỗ trợ triển khai cam kết của Việt Nam tại COP26.

Thứ hai, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban chỉ đạo quốc gia thực hiện COP26, Bộ Công Thương đã xây dựng kế hoạch hành động triển khai các cam kết liên quan đến Ngành Công Thương với các nhiệm vụ chính, gồm:

Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp kiểm soát phát thải khí nhà kính theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật có liên quan, góp phần thực hiện thành công mục tiêu giảm phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương cũng xây dựng nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cam kết toàn cầu về chuyển đổi điện than sang năng lượng sạch, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 của Việt Nam; xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích phát triển xe ô tô điện.

Trong số những nhiệm vụ quan trọng này thì nhiệm vụ quan trọng nhất là hoàn thiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị COP26; Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; xây dựng Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí carbon và khí methan của ngành giao thông vận tải; Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê tan đến năm 2030.

Thứ ba, một số bộ, ngành như: Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng... đã và đang xây dựng Kế hoạch hành động của ngành triển khai cam kết của Việt Nam tại COP26 hướng tới mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0”.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã giao nhiều nhiệm vụ cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể là, trong tháng 7/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường cần hoàn thiện, trình lãnh đạo Chính phủ ký ban hành Đề án về những



(Ảnh: Nguồn Internet)

nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị COP26 - đây chính là cơ sở để Văn phòng Chính phủ rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với đơn vị chủ trì là Bộ Tài chính khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thị trường carbon tại Việt Nam theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, đề xuất các loại thuế, khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, xanh.

Thứ tư, đối với “Đề án tổ chức Hội nghị đối thoại hợp tác với các đối tác phát triển về triển khai thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” và chuyển đổi năng lượng”, Thủ tướng cũng yêu cầu làm rõ những nhu cầu cần hỗ trợ cụ thể của mỗi bộ, ngành, lĩnh vực để thực hiện mục tiêu Việt Nam cam kết tại COP26. Thủ tướng giao Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Ngoại giao nhanh chóng dự thảo, đàm phán với đối tác, bảo đảm tính công bằng, công lý, khả thi, phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước

và xu hướng phát triển của nhân loại. Để thực hiện kế hoạch đàm phán, các bộ, ngành cần phải phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường khẩn trương xây dựng hoàn thành các báo cáo nền về chuyển đổi công bằng trong khai thác, chế biến nhiên liệu hóa thạch; chuyển đổi công bằng trong sản xuất điện; chuyển đổi công bằng trong lĩnh vực giao thông vận tải; chuyển đổi công bằng trong lĩnh vực xây dựng và quản lý tòa nhà; chuyển đổi công bằng trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản; tác động của quá trình chuyển đổi năng lượng tới an sinh, xã hội và việc làm. Các báo cáo này cần hoàn thiện trong tháng 8/2022.

Thứ năm, đối với những cam kết khác của Việt Nam tại COP26, Thủ tướng giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành cập nhật đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam; trên cơ sở NDC đã gửi Liên Hợp quốc năm 2020, nay sẽ bổ sung những điểm mới, nỗ lực của Việt Nam thực hiện cam kết đã đưa ra tại Hội nghị COP26,

hoàn thành trong tháng 9/2022. Trên cơ sở kiến nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Văn phòng Chính phủ tổng hợp báo cáo Chính phủ về những bất cập để sửa đổi các quy định hiện hành tạo thông thoáng cho các hoạt động phát triển năng lượng tái tạo; nghiên cứu việc ban hành Nghị quyết của Chính phủ chấp thuận hoạt động đo gió, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tác động môi trường trên biển phục vụ lập các dự án điện gió có tính cấp bách. Bộ Tài nguyên và Môi trường khảo sát, đánh giá tổng thể về tiềm năng điện gió trên cả nước. Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Nội vụ (đơn vị chủ trì) và các bộ, ngành liên quan đề xuất phương án tăng cường cán bộ cho lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu tại tất cả các cấp, các ngành, theo hướng cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

Mặt khác, trong thời gian tới, các Bộ: Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên & Môi trường... cần xây dựng, ban hành các hướng dẫn về kiểm kê khí nhà kính, đo đạc - báo cáo - thẩm định bảo đảm nội dung, tiến độ theo đúng quy định về ứng phó với biến đổi khí hậu tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozon.

3. Những vấn đề pháp lý doanh nghiệp vừa và nhỏ quan tâm

Biến đổi khí hậu hiện nay đang là vấn đề toàn cầu, là thách thức nghiêm trọng đối với toàn nhân loại. Biến đổi khí hậu đang diễn ra nhanh chóng, tác động trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của con người, của các loài sinh vật khác trên trái đất. Tại Việt Nam, tác động của biến đổi khí hậu đã khiến cho các hiện tượng bất thường của khí hậu, thời tiết liên tục xảy ra ở nhiều nơi trên diện rộng với sức tàn phá rất khủng khiếp, gây ra những thiệt hại vô cùng to lớn cả về người và tài sản. Biến đổi khí hậu cũng đang trở thành nguyên nhân gây ra những thách thức an ninh khí hậu, nguy cơ tiềm ẩn đối



(Ảnh: Nguồn Internet)

với ổn định và phát triển đất nước, tạo ra những làn sóng di cư, đe dọa tới việc thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo và các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu như vậy, các doanh nghiệp cũng đứng trước những nguy cơ rất lớn ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp. Vậy, doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ cần quan tâm đến những vấn đề pháp lý như thế nào để tồn tại và phát triển trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu như hiện nay?

Sau COP26, Việt Nam đã nghiêm túc triển khai cam kết của mình thông qua việc thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 do Thủ tướng Phạm Minh Chính làm Trưởng ban. Việt Nam đang tích cực để sớm hoàn thiện hành lang pháp lý có liên quan, dùng một luật để sửa nhiều luật; nghiên cứu, xây dựng các kế hoạch, biện pháp, lộ trình cụ thể; rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch có liên quan; huy động nguồn lực đầu tư cho hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu... để thực hiện các cam kết tại COP26.

Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân (Ban IV) là một trong các Ban của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng, gồm các thành viên là những đại diện uy tín của khu vực tư nhân, được giao nhiệm vụ chủ trì nghiên cứu và tư vấn, đề xuất việc cải cách cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính liên quan

đến phát triển kinh tế tư nhân gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế quốc gia. Một trong những nhiệm vụ lớn của Ban IV là xây dựng, vận hành Diễn đàn kinh tế Việt Nam (ViEF), gồm nhiều diễn đàn chuyên ngành để thúc đẩy đối thoại, hợp tác công - tư, kết nối doanh nghiệp... gắn với những ngành, lĩnh vực kinh tế trọng tâm. Diễn đàn cấp cao Nông nghiệp Việt Nam toàn cầu 2020 là 1 trong các sự kiện lớn nhất thuộc khuôn khổ ViEF và cùng với đó là nhiều hội nghị, chương trình đối thoại chuyên đề liên quan tới các lĩnh vực: Tài chính, du lịch, kinh tế số, tạo thuận lợi thương mại...

Ban IV kiến nghị Chính phủ tiếp tục duy trì các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về thuế, phí, tín dụng, tiếp tục rà soát, mở rộng hỗ trợ nhằm giảm gánh nặng chi phí của doanh nghiệp trong quá trình phục hồi; xây dựng kế hoạch đồng bộ đẩy mạnh truyền thông quốc tế và tiếp thị du lịch ra quốc tế; giảm bớt giấy tờ và thủ tục hành chính; đơn giản hóa thị thực điện tử và thị thực tại cửa khẩu; nâng cao nhận thức về vấn đề giảm phát thải.

Để ứng phó với biến đổi khí hậu, Việt Nam đã chủ động, tích cực tham gia các thỏa thuận

cam kết khu vực và quốc tế về biến đổi khí hậu, đồng thời tăng cường thực thi trách nhiệm của mình trong việc nội luật hoá đầy đủ các cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Quốc hội Việt Nam cũng đã ban hành nhiều đạo luật, nghị quyết liên quan trực tiếp tới ứng phó biến đổi khí hậu và rất nhiều kế hoạch hành động cấp quốc gia về biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai, đặc biệt, Luật Bảo vệ môi trường 2020 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 đã có những quy định cụ thể để điều chỉnh về vấn đề này.

Để ứng phó với biến đổi khí hậu khi mà Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, chịu ảnh hưởng nặng nề từ tác động của biến đổi khí hậu thì Việt Nam cần có những chính sách pháp luật, hành lang pháp lý phù hợp để vận hành nền kinh tế hiệu quả. Tuy nhiên, việc ứng phó biến đổi khí hậu tại Việt Nam hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Trong thời gian tới, những khó khăn, thách thức cần phải được giải quyết hiệu quả hơn, bên cạnh đó, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật có liên quan.

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VỀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

Thạc sỹ, Luật sư Phạm Thị Bích Hào

Công ty luật TNHH Đức An, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

Theo Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Việt Nam có khoảng 870.000 doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm hơn 98% tổng số doanh nghiệp cả nước. Sự lớn mạnh cả về số lượng, quy mô hoạt động và cả về nội lực của khối doanh nghiệp vừa và nhỏ có tác động to lớn, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Để doanh nghiệp vừa và nhỏ phát huy tốt ưu thế và thúc đẩy lợi nhuận cao nhất trong khi lại chăm lo đến người lao động tốt là một bài toán cần sự chung tay của Nhà nước và doanh nghiệp.

1. Các quy định pháp luật hiện hành về doanh nghiệp vừa và nhỏ

Trong những năm gần đây, Nhà nước đã không ngừng triển khai thực hiện các giải pháp, chính sách cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hoàn thiện khung pháp lý nhằm đổi mới, tạo động lực cho doanh nghiệp phát triển, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp luật về doanh nghiệp vừa và nhỏ như: Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo..... đã cho thấy sự quan tâm của Nhà nước đối với nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc ban hành các văn bản pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, trợ giúp sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa TP.Hà Nội (HANOISME) - Viện trưởng Viện kinh tế và Phát triển doanh nghiệp - ông Mạc Quốc Anh

cho biết hàng năm, các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp khoảng 40% GDP, nộp ngân sách nhà nước 30%, đóng góp giá trị sản lượng công nghiệp 33%, giá trị hàng hóa xuất khẩu 30% và thu hút gần 60% lao động. Những con số trên cho thấy đóng góp to lớn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với nền kinh tế nước ta¹.

Chính phủ là cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ qua những nguyên tắc nhất định cụ thể: việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải tôn trọng quy luật thị trường, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện, nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực.

2. Những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ cải thiện môi trường điều kiện làm việc

Sự ra đời của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017; Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày

¹ <https://laodong.vn/kinh-doanh/doanh-nghiep-nho-va-vua-dong-gop-lon-cho-nen-kinh-te->



(Nguồn ảnh: Internet - Luật Doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Điều 12. Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung)

26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định 80/2021/NĐ-CP đã định hướng chính sách của nhà nước ta trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta được hỗ trợ rất nhiều mặt như: hỗ trợ về tiếp cận tín dụng; hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; hỗ trợ của thuế, kế toán đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung...

Thứ nhất, chính sách hỗ trợ ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập theo

hình thức đối tác công tư cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung. Doanh nghiệp và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.

3. Cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung được hưởng các hỗ trợ sau đây:

a) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo Điều 22 của Nghị định, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ cụ thể như sau:

Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc

chung nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 3 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng.

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm... nhưng không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 3 học viên/doanh nghiệp/năm...

Trên thực tế, một số tỉnh đã làm rất tốt việc hỗ trợ cải thiện điều kiện làm việc cho doanh nghiệp như Tỉnh Kiên Giang sẽ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là trên 15 tỉ đồng gồm sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo... và các chi phí khác². Ngày 10/12/2021, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025”. Theo kế hoạch phấn đấu đến năm 2025, hỗ trợ 12 ý tưởng, dự án hoàn thiện sản phẩm, công nghệ, mô hình kinh doanh để thành lập doanh nghiệp; hỗ trợ 94 dự án về cơ sở hạ tầng, sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; áp dụng các hệ thống quản lý quốc tế, công cụ nâng cao năng suất, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm,

mô hình kinh doanh mới; phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ³

Thứ hai, chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

Để doanh nghiệp ngày càng phát triển thì chú trọng phát triển nguồn nhân lực là điều cần quan tâm. Luật Doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Điều 15. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Nhà nước tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo trực tuyến, chương trình đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng khác cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hoạt động đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

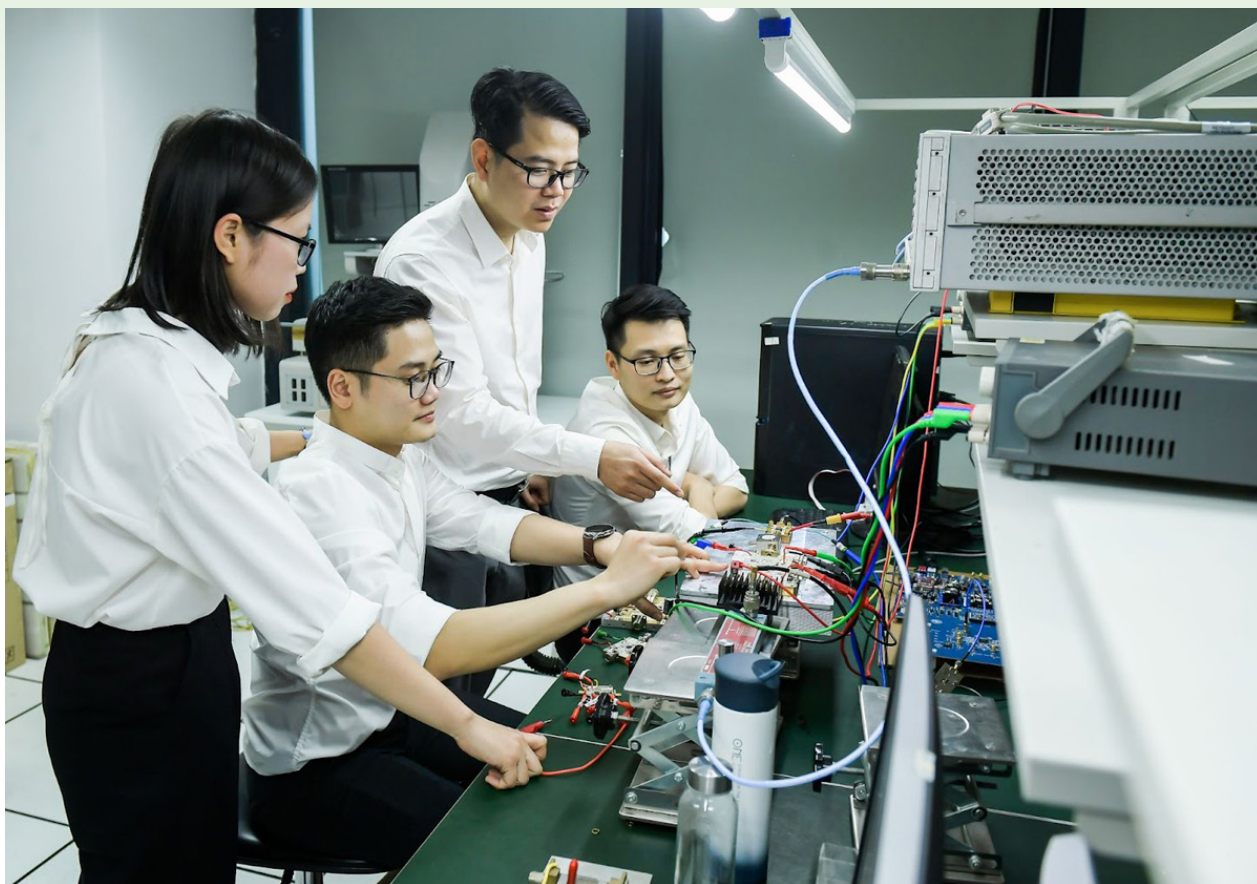
Điều 11 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT quy định rõ về hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực. Cụ thể, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP là hoạt động hỗ trợ đào tạo cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 5 Thông tư này và một số quy định cụ thể sau:

- Đơn vị đào tạo là cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (khi trực tiếp cung cấp dịch vụ đào tạo) hoặc là bên cung cấp (khi cơ quan, tổ chức Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không trực tiếp cung cấp dịch vụ đào tạo).

- Khóa đào tạo trực tiếp về quản trị doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP bao gồm khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cơ bản và khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp chuyên sâu.

² <https://laodong.vn/doanh-nghiep-doanh-nhan/ho-tro-hon-76-ti-dong-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-o-kien-giang-1020995.lido>

³ <https://lamdong.gov.vn/sites/khoinghiep/tintuc/SitePages/Ke-hoach-thuc-hien-De-an-Ho-tro-he-sinh-thai-khoi-nghiep-doi-moi-sang-tao-tren-dia-ban-tinh-Lam-Dong-den-nam-2025>



(Nguồn ảnh: Internet)

3. Khó khăn đối với việc thực hiện chính sách

Thứ nhất, việc tiếp cận nguồn hỗ trợ về vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa còn gặp nhiều khó khăn

Hiện nay, theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm đến 98% tổng số doanh nghiệp cả nước, là nhóm doanh nghiệp có vị trí đặc quan trọng trong nền kinh tế nước ta. Tuy vậy, việc tiếp cận vốn để sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp này vẫn gặp nhiều trở ngại. Có rất nhiều nguyên do dẫn đến việc doanh nghiệp nhỏ và vừa khó tiếp cận với nguồn hỗ trợ vốn. Có thể kể đến những nguyên nhân sau: Nguồn lực ngân sách hỗ trợ còn nhiều hạn chế; hoạt động bảo lãnh doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn chưa được phổ biến; doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa tạo được niềm tin với ngân hàng,... Ngân hàng là tổ chức cho vốn, quy định cho vay luôn chặt chẽ theo đúng

quy định của pháp luật. Trong khi đó, doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn lại không thể đưa các phương án chứng minh hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Thứ hai, thực tiễn triển khai chính sách hỗ trợ ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung còn gặp nhiều khó khăn

Việc huy động kinh phí cho hoạt động của vườn ươm tạo, kinh phí cho cơ sở kỹ thuật còn gặp nhiều khó khăn. Xuất phát do doanh nghiệp quy mô nhỏ, hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhỏ lẻ nên việc huy động nguồn vốn đầu tư, sản xuất còn gặp rất nhiều khó khăn. Các nguồn vốn khác tài trợ cho hoạt động ươm tạo vẫn còn hạn chế, nguồn vốn tài trợ từ ngân sách nhà nước, địa phương cho hoạt động rất ít, chủ yếu là dành cho mặt bằng và cơ sở nhà xưởng. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến vấn đề này là do các quỹ hỗ trợ trực tiếp vẫn chưa hoạt động mạnh mẽ; vai trò của ươm tạo, phát triển kỹ thuật vẫn chưa được

nhận thức đầy đủ của cộng đồng doanh nghiệp; chưa thu hút được nhiều tài trợ cho hoạt động của các cơ sở này.

***Thứ ba,** chính sách hỗ trợ về đất đai cho doanh nghiệp còn khó áp dụng*

Việc bố trí quỹ đất tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương còn chưa được triển khai. Việc hỗ trợ, miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp cho doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư, bố trí khu làm việc tập trung, cơ sở ươm tạo cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo vẫn chưa được đưa vào thực tế.

Bên cạnh đó, một thực tế cho thấy doanh nghiệp đủ điều kiện **được hưởng** ưu đãi về đất đai, tuy nhiên quỹ đất tại địa phương lại không đủ để phục vụ nhu cầu hoạt động và sản xuất của doanh nghiệp. Điều này gây ra rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp là cơ sở ươm tạo và cơ sở kỹ thuật

***Thứ tư,** nguồn nhân lực còn chưa đáp ứng được yêu cầu công việc*

Có thể thấy, chất lượng nguồn lực hiện nay còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Số lượng chuyên gia, chuyên viên về ươm tạo, kỹ thuật còn mới, chưa có nhiều kinh nghiệm. Nguyên nhân chủ yếu là do quy mô nhỏ nên nguồn vốn đầu tư đào tạo chuyên môn cho người lao động còn hạn chế.

Bên cạnh đó, qua thực tế cho thấy các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường không xây dựng các kế hoạch tuyển dụng trong tương lai, không có các chiến lược về phát triển nguồn nhân lực. Nhiều chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam chỉ căn cứ vào thiếu nhân viên trước mắt để tuyển chọn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng vẫn chưa coi trọng công tác đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch nguồn nhân lực và đưa ra dự kiến cho kế hoạch của năm tiếp theo. Điều này dẫn đến việc tuyển chọn nhân lực đầu vào chưa cao và nhân lực đang làm việc chưa có kế hoạch nâng cao năng lực.

4. Đề xuất kiến nghị

***Một là,** về chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn vay của các doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Các chính sách về hỗ trợ vốn cần được quy định cụ thể hơn, đặc biệt là các chính sách về hạn mức vay vốn, lãi suất vay để doanh nghiệp có thể lựa chọn hình thức vay phù hợp với mục tiêu phát triển của mình. Đẩy mạnh việc phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong việc đẩy mạnh triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, trong đó có các chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần thực hiện đúng các cam kết với tổ chức tín dụng; thực hiện minh bạch về thông tin tài chính và thông tin hoạt động, tái cấu trúc hoạt động, xây dựng phương án chuyển đổi sản xuất, kinh doanh hiệu quả, phù hợp với thực tế tình hình dịch bệnh, làm cơ sở để các tổ chức tín dụng thẩm định cho vay.

Bên cạnh đó, cần có các chính sách về truyền thông, phổ biến các chương trình hỗ trợ tín dụng đối với khách hàng là doanh nghiệp, đặc biệt Doanh nghiệp nhỏ và vừa để tiếp cận thông tin kịp thời của các chương trình hỗ trợ; tăng cường tín dụng như chia sẻ rủi ro và bảo lãnh, để cung cấp cho doanh nghiệp nguồn vốn cần thiết nhằm triển khai nâng cấp công nghệ và phát triển sản phẩm mới.

***Hai là,** tích cực triển khai các chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ cho doanh nghiệp*

Trong thời đại khoa học công nghệ ngày càng phát triển, việc triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học công nghệ góp phần rất lớn nâng cao chất lượng doanh nghiệp, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.

Tập trung đẩy mạnh chính sách phát triển hệ thống vườn ươm công nghệ: Cần coi trọng việc phát triển hệ thống vườn ươm công nghệ như là một công cụ đòn bẩy quan trọng trong hỗ trợ phát triển Doanh nghiệp khởi nghiệp bằng khoa

học công nghệ, thương mại hoá công nghệ và thúc đẩy đổi mới, chuyển giao công nghệ, liên kết khoa học với sản xuất, thị trường. Cùng với đó, nhanh chóng thành lập các Quỹ hỗ trợ đặc biệt của Nhà nước dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp khoa học công nghệ để hỗ trợ các doanh nghiệp một cách tốt nhất.

Ba là, nâng cao năng lực nguồn nhân lực

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tuyển dụng nhân lực, đặc biệt là các chuyên gia, chuyên viên cần xây dựng các kế hoạch tuyển dụng rõ ràng, phù hợp với lộ trình phát triển của doanh nghiệp. Cùng với đó, cần có các kế hoạch về nâng cao năng lực của nhân viên đang làm việc tại doanh nghiệp. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần xây dựng các chương trình đào tạo, các buổi tập

huấn nghiệp vụ để nâng cao khả năng sáng tạo và học tập của nguồn lao động. Điều này không chỉ nâng cao vấn đề về mặt chuyên môn, còn giải quyết các vấn đề về kỹ năng làm việc của người lao động. Từ đó, có đủ nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu công việc, sự đổi mới không ngừng của khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng làm việc.

Có thể thấy, trong những năm gần đây, Nhà nước ta rất chú trọng xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về cải thiện môi trường và điều kiện làm việc. Trong thời gian tới, cần sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa từ phía cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và doanh nghiệp nhỏ và vừa để phát huy tốt hơn nữa các chính sách hỗ trợ của Nhà nước triển khai được trong thực tế.

THỰC THI CÁC CAM KẾT VỀ MÔI TRƯỜNG - CƠ HỘI MỚI CHO KẾT NỐI CHUỖI GIÁ TRỊ HÀNG HÓA CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

TS. Luật sư - Nhà báo Nguyễn Hồng Thái

Công ty Luật TNHH Quốc tế Hồng Thái và Đồng Nghiệp

Tạp chí điện tử Đồng Hành Việt

Tóm tắt: Tác giả đi sâu làm rõ một số phương diện của việc thực thi các cam kết của doanh nghiệp để bảo vệ môi trường. Từ đó, thấy được những lợi ích để phát triển các hoạt động sản xuất, những sản phẩm gắn gũi với môi trường để tạo ra những bước đột phá, lợi nhuận cho các doanh nghiệp Việt Nam. Đồng thời, đưa ra những phương hướng để các doanh nghiệp Việt Nam vừa đạt được những hiệu quả trong việc kinh doanh vừa bảo vệ môi trường xanh.

Từ khóa: *Môi trường, doanh nghiệp Việt Nam, doanh nghiệp với môi trường, cam kết bảo vệ môi trường...*

MỞ ĐẦU

Những năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực, nhất là nền kinh tế tăng trưởng nhanh, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã bộc lộ nhiều bất cập và tạo ra nhiều áp lực lớn lên môi trường, các hệ sinh thái và đa dạng sinh học của đất nước. Tình trạng ô nhiễm môi trường tiếp tục diễn biến phức tạp, với nhiều điểm nóng, chất lượng môi trường nhiều nơi suy giảm mạnh. Do đó, bên cạnh tạo ra các giá trị lợi nhuận, các doanh nghiệp Việt Nam cần xem xét, khắc phục để bảo vệ môi trường. Từ đó, để tạo ra các chuỗi giá trị hàng hóa Việt Nam cần thực thi cam kết về môi trường.

NỘI DUNG

1. Tác động của cam kết pháp luật môi trường tới kết nối chuỗi giá trị hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam

1.1. Tác động tích cực

Khi xem xét một cách tổng thể các mối quan hệ giữa các chủ thể thì các chủ thể kinh doanh

khi thực thi các cam kết về môi trường đã đem đến cơ hội mới cho kết nối chuỗi giá trị hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam.

- Việc tuân thủ pháp luật môi trường trong doanh nghiệp sẽ hỗ trợ cho hoạt động tiêu thụ sản phẩm và từ đó góp phần nâng cao hiệu quả doanh nghiệp. Trong điều kiện ý thức và thái độ về môi trường và bảo vệ môi trường được nâng cao, người tiêu dùng sẽ có xu hướng ủng hộ đối với hàng hóa thân thiện với môi trường và chủ thể sản xuất tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật môi trường và ngược lại, tẩy chay hàng hóa không thân thiện với môi trường và hàng hóa của các chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật môi trường. Ảnh hưởng này càng lớn khi các chủ thể kinh doanh xuất khẩu hàng hóa sang các quốc gia phát triển, nơi mà người tiêu dùng rất chú trọng tới vấn đề môi trường khi quyết định mua hoặc không mua một loại hàng hóa nào đó. Các loại hàng hóa được cấp nhà môi trường có lợi thế cạnh tranh tại thị trường các quốc gia phát triển.

- Việc thực thi các cam kết về bảo vệ môi trường (BVMT) có ảnh hưởng đặc biệt tới hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất nông



Ảnh minh họa (nguồn: Internet)

ngiệp. Việc tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) chịu ảnh hưởng rất lớn bởi sự tuân thủ việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, thức ăn và vấn đề bảo quan thực phẩm. Yếu tố mang tính quyết định là do bản thân việc tuân thủ pháp luật môi trường ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng lương thực, thực phẩm và từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe người tiêu dùng. Do đó, người tiêu dùng sẽ có những phản ứng rất quyết liệt đối với những sản phẩm không bảo đảm chất lượng môi trường. Hiện nay, không chỉ còn là nghĩa vụ “*phải làm*” đối với các doanh nghiệp mà từng bước đã trở thành “*động lực tìm kiếm lợi nhuận bền vững*” cho doanh nghiệp. Ví dụ điển hình là trong lĩnh vực như nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch đã có rất nhiều doanh nghiệp lớn, ý tưởng kinh doanh chuyển hướng đầu tư như TH true milk, Vinamilk, VinGroup, Công ty Organic Đà Lạt... Vì vậy, khi các doanh nghiệp cam kết bảo vệ môi trường chính là cơ hội tiềm năng, là những ý tưởng sáng tạo cho các doanh nghiệp.¹

¹ Tạp chí điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Ngoài ra, việc tuân thủ một cách nghiêm túc các quy định của pháp luật môi trường trong doanh nghiệp sẽ giúp doanh nghiệp tránh được việc áp dụng các trách nhiệm pháp lý. Các trách nhiệm pháp lý bị áp dụng khi có hành vi vi phạm pháp luật môi trường có thể làm ảnh hưởng tới kinh tế của chủ thể kinh doanh (tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại), ảnh hưởng tới tính liên tục, bền vững của hoạt động kinh doanh (tạm thời đình chỉ hoạt động, chấm dứt hoạt động) hoặc ảnh hưởng tới việc tiêu thụ sản phẩm do gặp phải sự phản ứng của người tiêu dùng (do bị tẩy chay hàng hóa khi có hành vi gây ô nhiễm môi trường), ảnh hưởng tới uy tín, hình ảnh, thương hiệu của chủ thể doanh nghiệp.

- Việc tuân thủ pháp luật môi trường trong doanh nghiệp có thể góp phần giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Chẳng hạn như, từ việc tuân thủ các quy định về quản lý chất thải, đặc biệt là nghĩa vụ giảm thiểu, phân loại tái chế tái sử dụng chất thải, các chủ thể kinh doanh có thể tiết kiệm được chi phí đầu vào

và thu được lợi ích kinh tế từ chất thải có thể tái chế, tái sử dụng. Việc giảm thiểu phát sinh chất thải đồng nghĩa với việc nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí sản xuất.

Như vậy, với những tác động tích cực theo phân tích ở trên, hành động thực thi nghiêm túc các cam kết về môi trường là nền tảng cho các doanh nghiệp Việt Nam có thể mở rộng chuỗi giá trị hàng hóa, thậm chí là vươn xa ra thị trường Quốc tế với những sản phẩm mới, chất lượng, hài hòa với hệ sinh thái. Một trong những xu thế tiêu dùng trong thời đại hiện nay.

1.2. Tác động tiêu cực

Bên cạnh những tác động tích cực, việc thực thi pháp luật môi trường cũng làm phát sinh những tác động tiêu cực về mặt kinh tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp Việt Nam.

- Một tác động về kinh tế có thể thấy rõ nhất và tác động trực tiếp nhất là việc thực thi pháp luật môi trường trong kinh doanh làm tăng chi phí đầu tư cho chủ thể kinh doanh. Để thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật môi trường trong kinh doanh (như xây dựng các hệ thống xử lý chất thải, thuê các tổ chức, cá nhân khác xử lý chất thải...), các chủ thể kinh doanh phải bỏ ra những chi phí nhất định (để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, chi trả phí xử lý chất thải...) và từ đó không thể sử dụng nguồn tài chính này cho hoạt động kinh doanh sinh lời. Đối với chủ thể kinh doanh, các đầu tư cho bảo vệ môi trường là những đầu tư không sinh lời.

- Việc thực thi pháp luật môi trường làm phát sinh những khoản phải chi trả của chủ thể kinh doanh và từ đó có thể làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa, sản phẩm. Bên cạnh các chi phí sản xuất kinh doanh, các chủ thể kinh doanh còn phải chi trả những khoản chi phí như thuế môi trường, phí bảo vệ môi trường... Các khoản

chi phí này sẽ làm tăng giá sản phẩm của Việt Nam và từ đó có thể ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường quốc tế.

- Trong trường hợp chủ thể kinh doanh không tuân thủ pháp luật môi trường, các khoản phạt và bồi thường sẽ là gánh nặng tài chính và đây là nguyên nhân gây bất ổn cho quá trình kinh doanh. Dưới góc độ kinh tế, buộc đình chỉ hoạt động kinh doanh là một hình phạt nặng nề đối với chủ thể kinh doanh.

- Bên cạnh đó, những phản ứng có thể là quá khích của người dân (như cản trở hoạt động sản xuất, đập phá máy móc nhà xưởng diễn ra ở một số địa phương trong thời gian qua) đối với những hoạt động kinh doanh gây ô nhiễm có thể ảnh hưởng nặng nề cho hoạt động kinh doanh. Hơn nữa, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, những yêu cầu về môi trường đối với hàng hóa, sản phẩm cũng tạo ra sức ép đối với các chủ thể kinh doanh.

2. Phương hướng và các giải pháp hoàn thiện các cam kết bảo vệ môi trường cho doanh nghiệp Việt Nam

Để tạo ra chuỗi giá trị hàng hóa chất lượng cho doanh nghiệp Việt Nam cần phù hợp với quan điểm phát triển bền vững, cần nhận thức đúng đắn và giải quyết có hiệu quả mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể:

Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế là nền tảng để phát triển bền vững song phát triển bền vững là tiêu chuẩn để kiểm định chất lượng của tăng trưởng. Do đó, tăng trưởng không phải thực hiện bằng mọi giá mà phải gắn với bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên, tăng trưởng phải gắn với công bằng xã hội, phát triển con người để bảo đảm được tính lâu dài và bền vững.

Thứ hai, các chính sách thương mại và các chính sách về tài nguyên, môi trường có vai trò



Ảnh minh họa

hỗ trợ lẫn nhau, nhằm thúc đẩy phát triển bền vững và nó có thể giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ môi trường. Theo đó, một quốc gia, để đạt được mục tiêu trở thành một nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, ổn định, bền vững cần khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tự nhiên.

Trên cơ sở nhận thức này, việc xây dựng và thực thi các cam kết về môi trường cần có những giải pháp sau:

- Pháp luật môi trường trong doanh nghiệp vừa phải bảo đảm mục tiêu bảo đảm chất lượng môi trường, khai thác hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, vừa phải tạo hành lang pháp lý bảo đảm tính bền vững trong hoạt động kinh doanh.

- Các chính sách và pháp luật của Việt Nam không những cần phải bảo vệ hữu hiệu môi trường sinh thái và loại trừ việc khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam mà còn thúc đẩy và tạo điều kiện cho kinh tế Việt Nam phát triển đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường ở các nước nhập khẩu.

- Chính sách pháp luật môi trường cần có những quy định cụ thể đối với các hoạt động kinh tế trong nước nhằm định hướng và thúc đẩy sử dụng tối đa và bảo vệ được nguồn tài nguyên và hỗ trợ hàng hoá trong nước xâm nhập được những thị trường khó tính, vượt qua được các rào cản về môi trường của các quốc gia, đồng thời ngăn cản được những dòng vận động hàng hoá và đầu tư không thân thiện với môi trường xâm nhập từ bên ngoài vào Việt Nam.

KẾT LUẬN

Bên cạnh việc nghiên cứu xây dựng mới, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống quy chuẩn liên quan đến hàng hoá và quá trình sản xuất là cần thiết và cấp bách. Các quy chuẩn này là cơ sở pháp lý cho hoạt động thương mại, đặc biệt các quy chuẩn môi trường đối với các sản phẩm. Do đó, khi thực thi các cam kết về môi trường chính là cơ hội để các doanh nghiệp thu lại lợi nhuận khổng lồ trong việc tạo ra chuỗi giá trị hàng hóa.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật bảo vệ môi trường 2020
2. Tạp chí điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường

BẢN TIN ĐIỆN TỬ

**NÂNG CAO NHẬN THỨC PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG
TRONG CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRƯỚC BỐI CẢNH HỘI NHẬP
VÀ THỰC HIỆN CAM KẾT QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM
VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI HỘI NGHỊ COP 26**